

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Dẫn độ

Kính gửi: Quốc hội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 05/3/2025, Chính phủ có Tờ trình số 130/TTr-CP trình Quốc hội dự án Luật Dẫn độ. Ngày 15/4/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV đã họp cho ý kiến về dự án Luật Dẫn độ; theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá cao và thống nhất sự cần thiết xây dựng Luật Dẫn độ; cơ bản tán thành các quan điểm chỉ đạo, những vấn đề lớn của dự án Luật; hồ sơ dự án Luật đủ điều kiện để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Bên cạnh đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu tiếp thu hoàn chỉnh thêm Hồ sơ và dự thảo Luật để trình Quốc hội xem xét, thảo luận tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Sau khi tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ xin trình Quốc hội dự án Luật Dẫn độ, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Tương trợ tư pháp (Luật TTTP) được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 21/11/2007, có hiệu lực kể từ 01/7/2008. Luật gồm 7 chương với 72 điều quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện tương trợ tư pháp (TTTP) về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong TTTP. Trong đó, hoạt động dẫn độ được quy định tại Chương IV (từ Điều 32 đến Điều 48) và một số quy định tại Chương I, Chương VI. Luật TTTP đã thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện pháp luật, tăng cường hội nhập quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp (Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020).

Tuy vậy, cùng với những yêu cầu mới phát sinh của quá trình hội nhập quốc tế, yêu cầu của hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau hơn 16 năm triển khai thực hiện Luật TTTP đã bộc lộ những hạn chế bất cập cần được tháo gỡ, giải quyết. Chính vì vậy, thực tiễn công tác dẫn độ đặt ra yêu cầu cần thiết là phải xây dựng một Luật mới quy định về dẫn độ (Luật Dẫn độ).

- Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh chiến lược hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp và tăng cường hội nhập quốc tế nói chung cũng như lĩnh vực dẫn độ nói riêng. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW) xác định một trong các nhiệm vụ trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế là *“Chú trọng việc nội luật hóa những điều ước quốc tế mà Nhà nước ta là thành viên liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Sớm ban hành Luật dẫn độ tội phạm và chuyển giao người bị kết án phạt tù”*. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW) cũng xác định một trong những nhiệm vụ chiến lược cải cách tư pháp là *“hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp”* và *“tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp”*. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và mới đây là Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, trong đó xác định một trong những định hướng chủ yếu của hội nhập quốc tế là tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp... tăng cường tính tương thích giữa các cam kết, thỏa thuận quốc tế với các quy định của nội luật, cải thiện năng lực thực thi trên các lĩnh vực. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định một trong các mục tiêu trọng tâm là xây dựng *“hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận”*. Đây là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo cho việc xây dựng Luật Dẫn độ.

- Hiến pháp năm 2013 đề cao việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; các luật mới ban hành có một số quy định mới liên quan đến hợp tác quốc tế trong dẫn độ như Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (BLTTHS), Luật Thi hành án hình sự năm 2019 (Luật THAHS). Do đó, yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định về dẫn độ để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật là cần thiết.

- Đền thời điểm hiện tại Việt Nam là thành viên của 22 điều ước quốc tế (ĐUQT) đa phương, 10 hiệp định TTTP song phương có quy định về dẫn độ và 18 hiệp định song phương về dẫn độ. Qua rà soát thấy một số điều khoản về dẫn độ trong Luật TTTP năm 2007 còn một số nội dung chưa thực sự phù hợp với quy định trong các hiệp định này (quy định về bắt khẩn cấp, kinh phí, quá cảnh người bị dẫn độ, quy tắc đặc biệt...). Vì vậy, việc ban hành Luật Dẫn độ sẽ góp phần tạo điều kiện thực hiện tốt các cam kết, nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam, tạo nền tảng ký kết các điều ước quốc tế về dẫn độ; qua đó, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong dẫn độ.

- Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 12 năm 2023 đã thông qua Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Dẫn độ.

- Ngày 08/6/2024, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Ngày 26/6/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 568/QĐ-TTg phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, theo đó giao Bộ Công an xây dựng Dự án Luật Dẫn độ.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 16 năm triển khai thực hiện Luật TTTP năm 2007, công tác dẫn độ đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Kết quả công tác dẫn độ đã góp phần giải quyết tốt các vụ án hình sự mà đối tượng bỏ trốn ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Bên cạnh những kết quả đạt được, quy định về dẫn độ trong Luật TTTP năm 2007 và hoạt động dẫn độ cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như sau:

Thứ nhất, Luật TTTP điều chỉnh chung cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nhưng mỗi lĩnh vực lại có đối tượng, phạm vi điều chỉnh với tính chất đặc thù riêng, mục đích và tính chất, nguyên tắc hợp tác khác nhau. Cụ thể như dẫn độ, TTTP về hình sự xuất phát từ hoạt động tố tụng hình sự mang tính chất công quyền, trong khi đó TTTP về dân sự lại xuất phát từ yêu cầu giải quyết vụ việc của cá nhân, pháp nhân mang tính chất tư, còn chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù lại chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của người bị yêu cầu chuyển giao.

Thứ hai, chủ thể yêu cầu, chủ thể thực hiện, trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện các yêu cầu TTTP trong từng lĩnh vực hoàn toàn độc lập và khác nhau.

Thứ ba, từ phương diện quản lý nhà nước, Luật TTTP quy định giao Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước chung cũng làm cho công tác quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật nhưng như trên đã đề cập mỗi lĩnh vực có đặc thù, nguyên tắc riêng, trình tự, thủ tục độc lập dẫn đến thực tiễn việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các cơ quan gặp bất cập, hạn chế.

Thứ tư, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật TTTP được thực hiện chủ yếu thông qua các điều ước quốc tế. Theo quy định của Luật TTTP, BLTTHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì từng bộ, ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, VKSNDTC) chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế thuộc lĩnh vực mình được giao phụ trách. Hiện nay việc ký kết các điều ước quốc tế về TTTP được tách riêng từng lĩnh vực độc lập, không điều chỉnh đa lĩnh vực như trước đây. Chính vì vậy, hiện nay Bộ Công an chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù, Bộ Tư pháp chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về TTTP dân sự, VKSNDTC chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự. Việc tách Luật TTTP, giao nhiệm vụ cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực cũng phù hợp với công tác ký kết, gia nhập và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà các bộ, ngành đang chủ trì.

Thứ năm, một số quy định của Luật TTTP không còn phù hợp với các đạo luật mới trong lĩnh vực tư pháp được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua khiến Luật TTTP còn thiếu gắn kết và chưa đồng bộ với pháp luật tố tụng trong nước, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải quyết kịp thời các vụ việc dẫn độ¹ như: Quy định về hợp pháp hoá lãnh sự đối với giấy tờ, tài liệu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại Điều 7 Luật TTTP không áp dụng cho hoạt động dẫn độ do các giấy tờ, tài liệu trong hoạt động dẫn độ thường được miễn hợp pháp hoá lãnh sự. Quy định tại khoản 2 Điều 3 về “việc áp dụng pháp luật nước ngoài chỉ được thực hiện theo quy định của ĐUQT mà Việt Nam là thành viên” nhưng lại có quy định cho phép áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong pháp luật quốc tế tại khoản 2 Điều 4...

Thứ sáu, Luật TTTP chưa phân định rõ phạm vi TTTP, dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như đối với hoạt động ủy thác tư pháp (UTTP) liên quan đến công dân Việt Nam ở nước ngoài hoặc yêu cầu cơ quan đại diện ngoại giao tại nước ngoài xác minh, cung cấp tài liệu và chứng cứ phục vụ điều tra.

Thứ bảy, Luật TTTP chưa đáp ứng yêu cầu mới do sự phát triển trong từng lĩnh vực TTTP, thiếu những quy định cụ thể phù hợp cho từng lĩnh vực.

¹ Hiến pháp năm 2013, BLHS, BLTTHS, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật THAHS có những quy định mới về giải quyết các vụ việc dẫn độ với nhiều nội dung liên quan đến TTTP.

Một số quy định của Luật TTTP về dẫn độ chưa tương thích với pháp luật quốc tế, thông lệ quốc tế và các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên hoặc chưa được nội luật hóa trong Luật TTTP, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai tổ chức thực hiện. Trong lĩnh vực dẫn độ, chưa có quy định về trình tự, thủ tục lập yêu cầu dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, bắt khẩn cấp đề dẫn độ, thủ tục dẫn độ đơn giản, quá cảnh dẫn độ, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, các quy định liên quan đến cam kết không áp dụng án tử hình khi phía nước ngoài có yêu cầu...

Một số quy định của Luật TTTP về dẫn độ chưa phù hợp với thực tiễn và điều kiện thực tế ở Việt Nam, dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện như: quy định trách nhiệm chủ trì đề xuất áp dụng nguyên tắc có đi có lại của Bộ Ngoại giao; quy định về ngôn ngữ; các quy định về kinh phí trong quá trình áp giải, tiếp nhận dẫn độ; quy định về phân công, phối hợp và trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong hoạt động dẫn độ...

Tham khảo kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các quốc gia có xu hướng xây dựng Luật Dẫn độ để thuận lợi cho việc áp dụng. Các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Anh, Ca-na-đa, Nhật Bản, Thái Lan, Xinh-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a... đều đã xây dựng và ban hành luật riêng về dẫn độ. Liên hợp quốc cũng đã thông qua Luật mẫu về dẫn độ (năm 2004) để làm cơ sở cho các quốc gia tham khảo, xây dựng pháp luật trong nước. Ở cấp độ khu vực, ASEAN đã xây dựng Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự và đang xây dựng Hiệp định về dẫn độ. Các quốc gia đã ký kết hiệp định TTTP về dân sự và hình sự với Việt Nam trong thời gian trước đây hiện đang bày tỏ mong muốn đàm phán, ký kết các hiệp định riêng về lĩnh vực dẫn độ để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

Mục đích của việc xây dựng Luật Dẫn độ là hoàn thiện pháp luật về dẫn độ theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm chặt chẽ, khả thi, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế; thúc đẩy hợp tác quốc tế về dẫn độ, nâng cao hiệu quả truy bắt các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn ra nước ngoài; bảo vệ sự tôn nghiêm của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng như góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực dẫn độ; tạo nền tảng cho việc ký kết và thực hiện các ĐUQT về dẫn độ.

Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thực thi các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế về dẫn độ; góp phần tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tư pháp hình sự, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, đặc biệt là

tội phạm xuyên quốc gia, góp phần bảo vệ an ninh trật tự quốc gia, hòa bình và an ninh quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Một là, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước ta về hội nhập quốc tế, cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền, đảm bảo quyền con người trong lĩnh vực tư pháp, cụ thể là:

Định hướng xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, thiết lập bộ máy đủ thẩm quyền và năng lực để chỉ đạo điều hành, kiểm tra, giám sát và phối hợp các hoạt động hội nhập quốc tế tại Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân được nêu ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII;

Tiếp tục củng cố và tăng cường hoạt động tương trợ tư pháp của Việt Nam với các nước trong thời kỳ mới, phải mở rộng quan hệ quốc tế về tương trợ tư pháp được nêu ra tại Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII;

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế, các hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam tham gia được đề ra tại Nghị quyết 08, Nghị quyết 49-NQ/TW, Kết luận 84-KL/TW;

Phương hướng hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người tại Nghị quyết 49-NQ/TW, Kết luận 84-KL/TW;

Phương hướng hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong đó có hoàn thiện pháp luật TTTP phù hợp với pháp luật quốc tế được nêu tại Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng...;

Nhiệm vụ tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Hai là, Luật Dẫn độ được xây dựng phải tuân thủ Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ với văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; thống nhất với các quy định tại các dự án Luật TTTP về dân sự, Luật TTTP về hình sự và Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (tách từ Luật TTTP năm 2007) đang được xây dựng đồng thời với dự án Luật này.

Ba là, Luật Dẫn độ được xây dựng có tính đến sự phù hợp với các Hiệp định về dẫn độ, các điều ước quốc tế có điều khoản về dẫn độ mà Việt Nam tham gia; tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới trong xây dựng Luật Dẫn độ.

Bốn là, Luật Dẫn độ được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các chính sách còn phù hợp của Luật TTTP (phần về dẫn độ) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể các chính sách về: Nguyên tắc tương trợ tư pháp (Điều 4), Ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp (kế thừa một phần nội dung Điều 5), Trường hợp bị dẫn độ (Điều 33), Từ chối dẫn độ cho nước ngoài (kế thừa một phần nội dung Điều 35), Văn bản yêu cầu dẫn độ và các tài liệu kèm theo (Điều 37), Xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người (kế thừa cơ bản nội dung Điều 39), Quyết định dẫn độ (kế thừa cơ bản các nội dung tại Điều 40, ngoại trừ quy định về thời gian xem xét, ra quyết định dẫn độ), Thi hành Quyết định dẫn độ (Điều 42), Áp giải người bị dẫn độ (Điều 43), Hoãn thi hành quyết định dẫn độ và dẫn độ tạm thời (Điều 44), Dẫn độ lại (Điều 45), Quá cảnh (tiếp thu một phần nội dung Điều 47).

Bên cạnh đó, Luật Dẫn độ sẽ bổ sung các nội dung mới phù hợp với pháp luật quốc tế, đáp ứng các yêu cầu phát triển của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của hội nhập quốc tế nói chung và trong hoạt động dẫn độ nói riêng qua đó tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về dẫn độ.

Năm là, việc xây dựng Luật mới một mặt cần đảm bảo khắc phục được các hạn chế, bất cập hiện nay; mặt khác cần cắt giảm quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu TTTP, cắt, giảm chi phí đảm bảo đổi mới bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả phù hợp với các định hướng lớn của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT DẪN ĐỘ

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong dẫn độ.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Chính phủ giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng dự án Luật Dẫn độ.

2. Hồ sơ dự án Luật Dẫn độ đã được Bộ Công an xây dựng theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Ngày 23/12/2024, Bộ Tư pháp có Báo cáo số 320/BCTĐ-BTP về việc thẩm định đối với Hồ sơ dự án Luật Dẫn độ. Bộ Công an đã có Công văn số 124/BCA-V03 ngày 10/01/2025 giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

4. Ngày 10/01/2025, Bộ Công an có Tờ trình số 18/TTr-BCA-V03 trình Chính phủ dự án Luật Dẫn độ.

5. Ngày 04/3/2025, Chính phủ có Nghị quyết số 41/NQ-CP cho ý kiến về dự án Luật và giao Bộ trưởng Bộ Công an thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình trình Quốc hội về dự án Luật Dẫn độ.

6. Ngày 05/3/2025, Chính phủ có Tờ trình số 130/TTr-CP trình Quốc hội dự án Luật Dẫn độ.

7. Ngày 15/4/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV tổ chức họp cho ý kiến về dự án Luật và ra Thông báo kết luận số 1128/TB-VPQH ngày 18/4/2025 của Văn phòng Quốc hội.

8. Ngày/4/2025, Chính phủ có Tờ trình số/TTr-CP trình Quốc hội dự án Luật Dẫn độ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật Dẫn độ dự kiến gồm 04 chương và 45 điều, trong đó, sửa đổi 27 điều, bổ sung 23 điều và cắt giảm 01 điều so với Luật TTTP trong lĩnh vực dẫn độ. Cụ thể như sau:

Chương I (Những quy định chung) gồm 17 điều (từ Điều 1 đến Điều 17).

Chương II (Dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam) gồm 08 điều (Từ Điều 18 đến Điều 25).

Chương III (Dẫn độ từ Việt Nam ra nước ngoài) gồm 18 điều (từ Điều 26 đến Điều 43).

Chương IV (Điều khoản thi hành) gồm 02 điều (Điều 44 và 45).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

Trên cơ sở mục tiêu, quan điểm chỉ đạo nêu trên, dự thảo Luật Dẫn độ gồm một số nội dung chủ yếu sau:

2.1. Nội dung cơ bản của Chương I (Những quy định chung)

- Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Luật quy định theo hướng Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong dẫn độ.

- Về đối tượng áp dụng, dự thảo Luật áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.

- Về giải thích từ ngữ, dự thảo Luật giải thích các khái niệm, từ ngữ cho phù hợp với nội dung, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật và tạo thuận lợi cho việc áp dụng Luật; gồm các khái niệm về dẫn độ, người bị yêu cầu dẫn độ.

- Về nguyên tắc dẫn độ, dự thảo Luật kế thừa nguyên tắc trong Luật TTTP, có điều chỉnh cho phù hợp với lĩnh vực dẫn độ.

- Về áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ, dự thảo Luật bổ sung điều kiện áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ, chuyển cơ quan quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ từ Bộ Ngoại giao sang Bộ Công an.

Nội dung này là phù hợp với Giải pháp 2 của Chính sách 3 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dẫn độ.

- Về các trường hợp có thể bị dẫn độ, dự thảo Luật kế thừa quy định về trường hợp bị dẫn độ trong Luật TTTP; đồng thời bổ sung trường hợp yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều hành vi phạm tội, trong đó mỗi hành vi cấu thành một tội phạm theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài và có ít nhất một hành vi đáp ứng được các điều kiện “hành vi phạm tội mà pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài quy định hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình hoặc thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người đó còn lại ít nhất 06 tháng” thì Việt Nam có thể đồng ý dẫn độ đối với tất cả các hành vi đó. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu, Bộ Công an đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đồng ý dẫn độ với các trường hợp tương tự.

Việc bổ sung quy định này là phù hợp với Giải pháp 2 trong Chính sách 1 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, phù hợp với pháp luật quốc tế và thông lệ quốc tế cũng như để giải quyết các trường hợp trong các hiệp định về dẫn độ mà Việt Nam đã ký với các nước, góp phần ngăn ngừa bỏ lọt tội phạm.

- Về hồ sơ yêu cầu dẫn độ, dự thảo Luật quy định hồ sơ được lập bằng văn bản; cách thức chuyển yêu cầu dẫn độ được thực hiện qua kênh ngoại giao hoặc Cơ quan Trung ương về dẫn độ.

- Về ngôn ngữ trong dẫn độ, dự thảo Luật cơ bản kế thừa quy định về ngôn ngữ trong Luật TTTP, phù hợp với Giải pháp 2 của Chính sách 2 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, phù hợp chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về tư duy mới về xây dựng pháp luật.

- Về hợp pháp hóa lãnh sự, dự thảo Luật quy định hồ sơ yêu cầu dẫn độ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nếu được ký và đóng dấu bởi cơ quan và người có thẩm quyền, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Đây là quy định mới so với Luật TTTP, phù hợp với Giải pháp 2 của Chính sách 2 trong Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế về dẫn độ.

- Về chi phí thực hiện yêu cầu dẫn độ, dự thảo Luật quy định trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh từ thời điểm tiếp nhận người bị dẫn độ; trường hợp Việt Nam là nước được yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh đến thời điểm bàn giao người bị yêu cầu dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

- Về kinh phí trong dẫn độ, dự thảo Luật quy định Ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác dẫn độ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Về dẫn độ có điều kiện, dự thảo Luật quy định trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam phải thực hiện một hoặc một số điều kiện để đồng ý dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể chấp nhận một phần hoặc toàn bộ điều kiện này. Trường hợp nước ngoài phải thực hiện một hoặc một số điều kiện để Việt Nam đồng ý dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp nhận các điều kiện này. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Đây là quy định mới được bổ sung so với Luật TTTP, phù hợp với Giải pháp 2 của Chính sách 1 trong Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế về dẫn độ, phù hợp với chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về tư duy mới về xây dựng pháp luật.

- Về thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, dự thảo Luật quy định trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam

không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo sau đây: a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ nếu người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự; b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ không thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an đề nghị nước ngoài đưa ra cam kết bằng văn bản về nội dung này. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan hướng dẫn chi tiết Điều này.

Đây là quy định mới được bổ sung so với Luật TTTP. Việc quy định theo hướng này là phù hợp với Giải pháp 2 của Chính sách 1 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách liên quan đến vấn đề tử hình, phù hợp với Bộ luật Hình sự (BLHS) và BLTTHS, phù hợp với chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về tư duy mới về xây dựng pháp luật.

- Dự thảo Luật quy định về không truy cứu trách nhiệm hình sự, không thi hành án đối với người bị dẫn độ ngoài tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ; không dẫn độ cho nước thứ ba. Theo đó, người bị dẫn độ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không phải thi hành án tại nước yêu cầu dẫn độ vì một tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc không bị dẫn độ cho nước thứ ba, trừ các trường hợp sau đây: (i) Nước được yêu cầu đã đồng ý trước đó bằng văn bản. Nước được yêu cầu có thể đề nghị gửi các tài liệu và thông tin quy định tại các điều 19, 20, 21, 22 của Luật này; (ii) Người bị dẫn độ đã không rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi. Thời hạn này sẽ không bao gồm thời gian mà người đó không thể ra khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ vì những lý do bất khả kháng; (iii) Người bị dẫn độ đã tự nguyện quay trở lại sau khi đã rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ.

Về cơ bản, quy định này được kế thừa từ Luật TTTP, đồng thời có bổ sung trường hợp (ii) và (iii). Quy định này được ban hành nhằm cụ thể hóa Giải pháp 2 của Chính sách 2 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách về việc bổ sung quy định về mở rộng phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị dẫn độ, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như pháp luật và thông lệ quốc tế về dẫn độ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị yêu cầu dẫn độ. Trường hợp phát hiện một hoặc

nhieu tội mới sau khi bị dẫn độ thì nước yêu cầu phải xin ý kiến của nước được yêu cầu về việc truy tố bổ sung đối với tội mới đó.

- Về quá cảnh người bị dẫn độ, dự thảo Luật quy định việc quá cảnh người bị dẫn độ qua lãnh thổ Việt Nam phải được thông báo trước bằng văn bản đến Bộ Công an. Nước đề nghị quá cảnh người bị dẫn độ chịu trách nhiệm quản lý người đó trong thời gian quá cảnh Việt Nam, chịu mọi chi phí quá cảnh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp Việt Nam đề nghị nước ngoài cho phép quá cảnh người bị dẫn độ thì Bộ Công an liên hệ với nước ngoài để thực hiện các thủ tục xin phép quá cảnh người bị dẫn độ. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Về cơ bản, quy định này là chi tiết hơn so với quy định về quá cảnh trong Luật TTTP, nhằm triển khai Giải pháp 2 của Chính sách 2 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, đồng thời nâng cao trách nhiệm của nước yêu cầu quá cảnh, phù hợp với pháp luật Việt Nam về quá cảnh, phù hợp với chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về tư duy mới về xây dựng pháp luật.

- Về Cơ quan trung ương về dẫn độ, dự thảo Luật bổ sung quy định về Cơ quan trung ương về dẫn độ và chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Trung ương trong hoạt động dẫn độ. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với giải pháp 2 của Chính sách 3 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dẫn độ.

- Về quản lý nhà nước về dẫn độ:

Trách nhiệm quản lý nhà nước về dẫn độ được quy định như sau: a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dẫn độ; b) Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ; c) Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ được quy định trong Luật này; phối hợp với Bộ Công an quản lý nhà nước về dẫn độ; d) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ được quy định trong Luật này; phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.

Quy định này được ban hành nhằm triển khai Giải pháp 2 của Chính sách 3 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, phù hợp với chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về tư duy mới về xây dựng pháp luật.

2.2. Nội dung cơ bản của Chương II (Dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam)

- Về cơ quan của Việt Nam lập yêu cầu dẫn độ:

Điều 18 của dự thảo Luật quy định cơ quan trung ương về dẫn độ, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình

sự có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đề thi hành án. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Đây là quy định được kế thừa, đồng thời được bổ sung so với Luật TTTP. Việc quy định theo hướng này là phù hợp với Giải pháp 2 của Chính sách 3 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách liên quan đến việc bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ, phù hợp với chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về tư duy mới về xây dựng pháp luật.

- Về hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài:

Về cơ bản nội dung hồ sơ yêu cầu dẫn độ kế thừa các quy định của Điều 37 Luật TTTP 2007 và bổ sung một số nội dung để phù hợp với tình hình mới, phù hợp với các điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam là thành viên. Dự thảo Luật cũng quy định chi tiết về các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ trong trường hợp dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án hình sự.

- Về tiếp nhận, kiểm tra, chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ và bổ sung thông tin, tài liệu:

Cơ quan lập yêu cầu dẫn độ có trách nhiệm gửi hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến Bộ Công an để kiểm tra, trừ trường hợp cơ quan lập yêu cầu dẫn độ là Cơ quan Trung ương về dẫn độ. Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho nước ngoài. Trường hợp nước ngoài đề nghị bổ sung thông tin, tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Cơ quan lập yêu cầu dẫn độ bổ sung thông tin, tài liệu để trả lời nước ngoài thông qua Bộ Công an, trừ khi có thỏa thuận khác.

- Về tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam (Điều 24):

Sau khi nhận được quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Bộ Công an thành lập đoàn tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết Điều này.

2.3. Nội dung cơ bản của Chương III (Dẫn độ từ Việt Nam ra nước ngoài)

- Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam:

Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam phải đáp ứng điều kiện tương tự như hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài.

- Về tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam và xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ:

Về cơ bản quy định này được kế thừa từ Luật TTTP, đồng thời bổ sung quy định về Cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ tại Việt Nam. Quy định này được ban hành nhằm cụ thể hóa Giải pháp 2 của Chính sách 2 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Việc xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ tại Việt Nam đã được quy định cụ thể trong BLTTHS, Luật Công an nhân dân và các luật khác có liên quan, do đó, trong Luật này không quy định lại.

- Về thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam:

Về cơ bản quy định này được kế thừa từ Luật TTTP, đồng thời bổ sung nội dung “Trên cơ sở ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an có thể đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xóa sổ quyết định thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ”.

- Về quyết định dẫn độ cho nước ngoài:

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây: a) Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ; b) Quyết định đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ. Tòa án nhân dân cấp tỉnh mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ.

Thời hạn ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ đã được rút ngắn hơn so với Luật TTTP, phù hợp chính sách đã được thông qua trong Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách.

- Về kháng cáo, kháng nghị, giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ:

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dẫn độ và kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp tỉnh mở phiên họp xem xét, quyết định của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị.

Quy định này được ban hành nhằm cụ thể hóa Giải pháp 2 của Chính sách 3 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách liên quan đến việc xác định thẩm quyền, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong việc phúc thẩm quyết định dẫn độ, phù hợp với mô hình tổ chức của các cơ quan nhà nước hiện nay.

- Về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, trong quá trình thảo luận, về vấn đề này, có 02 loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, không cần thiết phải bổ sung thủ tục xem xét lại Quyết định dẫn độ hoặc Quyết định từ chối dẫn độ theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vì cho rằng pháp luật quốc tế và Luật Tương trợ tư pháp hiện hành không quy định về vấn đề này; hơn nữa nếu có quy định thì sẽ kéo dài thời gian xem xét dẫn độ. Tòa án nhân dân tối cao ủng hộ loại ý kiến này.

Loại ý kiến thứ hai đề nghị quy định trong Luật này việc xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với Quyết định dẫn độ hoặc Quyết định từ chối dẫn độ của Tòa án để bảo đảm nguyên tắc không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần bảo vệ công lý; hơn nữa, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm (Điều 370 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng hình sự).

Chính phủ xin được tiếp thu, ủng hộ loại ý kiến thứ hai. Việc bổ sung quy định này sẽ bảo đảm nguyên tắc không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, góp phần bảo vệ công lý; phù hợp với thực tiễn giải quyết yêu cầu dẫn độ, bổ sung 01 khoản mới về giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ vào Điều 28 với nội dung như sau:

“Điều 28. Kháng cáo, kháng nghị, giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ

4. Việc giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 370 và 397 Bộ luật Tố tụng hình sự”.

- Về xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người:

Về cơ bản quy định này được kế thừa từ Luật TTTP, đồng thời bổ sung quy định “Trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi Tòa án nhân dân khu vực đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước thì Bộ Công an đề nghị Tòa án nhân dân khu vực đó xóa sổ quyết định đã thụ lý theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật này và trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ đã thụ lý cho Bộ Công an để tiếp tục xem xét, quyết định”.

Quy định này được bổ sung không chỉ nhằm thực hiện Giải pháp 2 của Chính sách 3 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách liên quan đến nội dung “giải quyết trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi tòa án nhân dân có thẩm quyền đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước” mà còn giải quyết được nhiều tình huống khác phát sinh trên thực tế, vì nhiều lý do khác nhau, cần thiết phải xóa sổ quyết định thụ lý.

- Về các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ:

Dự thảo Luật quy định để đảm bảo thực hiện yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại BLTTTHS. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn được thực hiện khi nước ngoài chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ chính thức đến Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này. Đây là quy định được kế thừa từ Điều 502 BLTTTHS.

- Về trình tự, thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ:

Dự thảo Luật quy định trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó là thành viên thì thực hiện theo quy định tại Điều 113 BLTTTHS, nếu nước yêu cầu cung cấp đủ thông tin và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết.

Văn bản yêu cầu bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ sẽ gồm các nội dung chính như: a) Lý do và mục đích của yêu cầu; b) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu; c) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu và khung hình phạt áp dụng đối với người bị yêu cầu hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu phải thi hành án; d) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu; đ) Cam kết gửi yêu cầu dẫn độ chính thức sau đó; e) Cam kết bồi thường thiệt hại trong trường hợp có oan, sai đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ.

Ngoài ra, dự thảo Luật cũng bổ sung quy định “Trường hợp nước yêu cầu chưa ký kết điều ước quốc tế về dẫn độ với Việt Nam thì trình tự, thủ tục bắt khẩn cấp để dẫn độ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự”.

Đây là quy định mới được bổ sung so với Luật TTTP. Quy định này được xây dựng để triển khai Giải pháp 2 của Chính sách 1 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Quy định này cũng sẽ góp phần thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Việt Nam trong các điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam là thành viên, dự phòng cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan trong BLTTTHS trong thời gian sắp tới; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế năm 2016, phù hợp với chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về tư duy mới về xây dựng pháp luật, đồng thời nhằm tránh bỏ lọt tội phạm.

- Về dẫn độ đơn giản:

Dự thảo Luật quy định trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đồng ý bằng văn bản với việc bị dẫn độ về nước ngoài thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp xem xét áp dụng thủ tục dẫn

đơn giản. Trình tự, thủ tục áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản được thực hiện như sau: a) Tòa án nhân dân thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ; b) Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan có thẩm quyền xác minh sự đồng ý bị dẫn độ; c) Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ.

Đây là quy định mới được bổ sung so với Luật TTTP. Quy định này được xây dựng để triển khai Giải pháp 2 của Chính sách 1 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

- Về thi hành quyết định dẫn độ:

Dự thảo Luật quy định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định dẫn độ của Tòa án nhân dân có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Sau khi nhận được quyết định thi hành quyết định dẫn độ, cơ quan công an có thẩm quyền tiến hành bắt người bị dẫn độ theo quy định tại Điều 113 BLTTHS.

- Về hoãn dẫn độ và tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ:

Về cơ bản quy định này được kế thừa từ Luật TTTP, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế về dẫn độ, phù hợp với các hiệp định về dẫn độ mà Việt Nam đã ký với các nước.

- Về dẫn độ tạm thời:

Về cơ bản quy định này được kế thừa từ Luật TTTP, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế về dẫn độ, phù hợp với các hiệp định về dẫn độ mà Việt Nam đã ký với các nước.

- Về từ chối dẫn độ cho nước ngoài:

Về cơ bản quy định này được kế thừa từ Luật TTTP, đồng thời bổ sung một số trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ như: (i) Người bị yêu cầu dẫn độ có khả năng bị truy bức, tra tấn ở nước yêu cầu dẫn độ do có sự phân biệt về chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị hoặc vì lý do khác; (ii) Hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ không phải là tội phạm theo quy định của BLHS; bổ sung trường hợp có thể từ chối dẫn độ, bao gồm tội phạm bị yêu cầu dẫn độ là tội phạm liên quan đến chính trị, quân đội.

Quy định này được xây dựng để triển khai Giải pháp 2 của Chính sách 1 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Về xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài

Về cơ bản, quy định này được kế thừa từ Điều 498 BLTTHS.

- Về xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ cho nước ngoài trong các trường hợp khác

Dự thảo Luật quy định “Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ cho nước ngoài những người không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này, trên cơ sở đề nghị của nước ngoài, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể xem xét áp dụng thủ tục được quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này”.

Việc bổ sung quy định này để triển khai Giải pháp 2 của Chính sách 1 trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, bảo đảm tránh bỏ lọt tội phạm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.4. Nội dung cơ bản của Chương IV (Điều khoản thi hành)

Chương này gồm 02 điều quy định về hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp. Theo đó, Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2026. Luật TTTP hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 45 của Luật này. Các yêu cầu dẫn độ được lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành áp dụng quy định của Luật TTTP.

VI. TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÙNG LĨNH VỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật TTTP và sửa đổi, bổ sung một số quy định mới để đáp ứng yêu cầu công tác dẫn độ trong giai đoạn hiện nay. Trong quá trình xây dựng Luật, Chính phủ đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Hiến pháp năm 2013, BLHS, BLTTHS, Luật THAHS, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019 và năm 2023), Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023), Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023), Luật Quốc tịch Việt Nam 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Luật Cư trú năm 2020, Luật Điều ước quốc tế năm 2016... Kết quả rà soát cho thấy dự thảo Luật Dẫn độ thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

VII. TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Dẫn độ, Chính phủ đã rà soát, nghiên cứu, nội luật hóa một số quy định của các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên như Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961, Công ước về trừng trị việc chiếm giữ bất hợp pháp tàu bay năm 1970, Công ước về trừng trị những hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hàng không dân dụng năm 1971, Công ước về các chất hướng thần năm 1971, Công ước quốc tế về chống bắt con tin năm 1979, Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy, chất hướng thần năm 1988, Công ước về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố năm 1999, Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003, Công ước ASEAN về chống khủng bố năm 2007, Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Ngoài ra, Bộ Công an cũng tiến hành rà soát các hiệp định về dẫn độ mà Việt Nam đã ký với các nước như: An-giê-ri năm 2010, Ấn Độ năm 2011, Ô-xtrây-li-a năm 2012, In-đô-nê-xi-a năm 2013, Căm-pu-chia năm 2013, Hung-ga-ri năm 2013, Tây Ban Nha năm 2014, Trung Hoa năm 2015, Pháp năm 2016, Mông Cổ năm 2018, Mô-dăm-bích năm 2019, Ác-hen-ti-na năm 2023, I-ran năm 2023, I-ta-li-a năm 2023, Các tiểu Vương quốc A-rập Thống nhất (UAE) năm 2023, Lào năm 2024. Kết quả rà soát cho thấy dự thảo Luật Dẫn độ tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực

- Từ nguồn ngân sách trung ương và địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

- Ban hành văn bản quy định chi tiết: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản được giao trong Luật để hướng dẫn thi hành phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về Luật: Các bộ, ngành liên quan (Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao) và các cơ quan thực thi ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân và tập huấn cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trực tiếp thực hiện công tác dẫn độ hiểu biết đầy đủ về các quy định

của Luật, đặc biệt là đội ngũ cán bộ của Cơ quan trung ương về dẫn độ, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao, cơ quan điều tra và các cơ sở giam giữ.

- Bảo đảm nhân lực thực hiện: Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động dẫn độ theo quy định của Luật ở Trung ương cũng như địa phương bố trí đội ngũ cán bộ có chuyên môn, kỹ năng và trình độ (pháp luật, ngoại ngữ, nghiệp vụ) phù hợp để thực hiện nhiệm vụ.

- Bảo đảm cơ sở vật chất và kinh phí: Các bộ, ngành liên quan và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động dẫn độ ở trung ương cũng như địa phương bố trí hệ thống máy tính, nâng cấp các phần mềm tin học đảm bảo khả năng kết nối, xử lý, khai thác, quản lý, lưu trữ và bảo mật tốt hồ sơ đề nghị dẫn độ, xây dựng trang thông tin điện tử (website) về dẫn độ; bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện công tác dẫn độ, không làm phát sinh đột biến kinh phí.

Chi phí xây dựng, ban hành luật và văn bản hướng dẫn thi hành; tuyên truyền, phổ biến nội dung luật mới trên phạm vi toàn quốc dưới nhiều hình thức và biện pháp khác nhau (ước tính): 3.000.000.000 đồng (ba tỉ đồng). Dự kiến trong 10 năm tới, xử lý bình quân 30 yêu cầu/năm (15 yêu cầu dẫn độ từ Việt Nam ra nước ngoài và 15 yêu cầu dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam) thì khái toán tổng chi phí xử lý yêu cầu dẫn độ trung bình trong 01 năm là: 4.471.500.000 (bốn tỉ bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Dẫn độ, Chính phủ trân trọng trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

(1) Tờ trình tóm tắt dự án Luật Dẫn độ;

(2) Dự thảo Luật Dẫn độ;

(3) Báo cáo thẩm định số 320/BCTĐ-BTP ngày 23/12/2024 của Bộ Tư pháp về Hồ sơ dự án Luật Dẫn độ;

(4) Báo cáo số 124/BCA-V03 ngày 10/01/2025 của Bộ Công an giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

(5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự án Luật Dẫn độ;

(6) Bản chụp công văn góp ý của các cơ quan, tổ chức về dự thảo hồ sơ Luật Dẫn độ;

(7) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 trong hoạt động dẫn độ (giai đoạn 2008 - 2024);

(8) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dẫn độ;

(9) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến xây dựng dự án Luật Dẫn độ;

(10) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Dẫn độ;

(11) Dự thảo các văn bản hướng dẫn chi tiết Luật Dẫn độ;

(12) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế liên quan đến xây dựng pháp luật về dẫn độ);

(13) Bản so sánh quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và quy định của dự thảo Luật Dẫn độ;

(14) Bản thuyết minh dự thảo Luật Dẫn độ.

Nơi nhận:

- Như trên (40);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng, An ninh - Đối ngoại của Quốc hội;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tư pháp, Ngoại giao, Tài chính, Nội vụ;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: PL, QHQT, TH;
- Lưu: VT, NC (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**

Đại tướng Lương Tam Quang

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:/2025/QH15

Dự thảo

Ngày 29/8/2025

LUẬT DẪN ĐỘ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Dẫn độ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong dẫn độ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Dẫn độ** là việc Việt Nam chuyển giao cho nước ngoài hoặc nước ngoài chuyển giao cho Việt Nam người có hành vi phạm tội hoặc người bị kết án hình sự đang có mặt trên lãnh thổ nước mình để nước tiếp nhận truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người đó.

2. **Người bị yêu cầu dẫn độ** là người có hành vi phạm tội hoặc người đã bị kết án hình sự ở nước yêu cầu dẫn độ mà pháp luật của nước đó và nước được yêu cầu dẫn độ cùng quy định hành vi đó cấu thành tội phạm.

Điều 4. Nguyên tắc dẫn độ

1. Dẫn độ được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên

cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp *nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* và nước ngoài *không cùng là thành viên của* điều ước quốc tế về dẫn độ thì việc dẫn độ được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

Điều 5. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ

1. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau *đây*:

a) *Tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này;*

b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có cam kết bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu của Việt Nam trong trường hợp tương tự. *Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, nếu nước ngoài yêu cầu, Cơ quan trung ương về dẫn độ đưa ra cam kết bằng văn bản về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại;*

c) Thực tiễn và nhu cầu hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và nước ngoài. *theo nguyên tắc có đi có lại.*

2. *Cơ quan trung ương về dẫn độ* căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ. ~~Trong~~ Trường hợp cần thiết, *Cơ quan trung ương về dẫn độ* lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan trước khi quyết định.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Các trường hợp có thể bị dẫn độ

1. Người có thể bị dẫn độ là người có hành vi phạm tội mà pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài quy định hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình hoặc đã bị Tòa án của nước yêu cầu *dẫn độ* xử phạt tù mà thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người đó còn lại ít nhất 06 tháng.

2. Hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này không nhất thiết phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh, các yếu tố cấu thành tội phạm không nhất thiết phải giống nhau *hoàn toàn* theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

3. Trường hợp nước ngoài yêu cầu dẫn độ liên quan đến *người có* nhiều hành vi phạm tội, trong đó mỗi hành vi cấu thành một tội phạm theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài và có ít nhất một hành vi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này thì Việt Nam có thể đồng ý dẫn độ *đối với*

người ~~tất cả các hành vi~~ đó. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu **dẫn độ**, Bộ Công an đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đồng ý dẫn độ với các trường hợp tương tự.

4. Trường hợp hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra ngoài lãnh thổ của Việt Nam thì việc dẫn độ người đó có thể được thực hiện nếu pháp luật Việt Nam quy định hành vi đó là hành vi phạm tội.

Điều 7. Hình thức văn bản và cách thức chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ

1. Yêu cầu dẫn độ được lập bằng văn bản.
2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ được chuyển qua kênh ngoại giao hoặc Cơ quan trung ương về dẫn độ.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Ngôn ngữ trong dẫn độ

1. Trường hợp ~~giữa~~ Việt Nam và nước ngoài **cùng là thành viên của** ~~đã có~~ điều ước quốc tế về dẫn độ thì ngôn ngữ trong dẫn độ được **thực hiện theo** điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp ~~giữa~~ Việt Nam và nước ngoài **không cùng là thành viên của** ~~chưa có~~ điều ước quốc tế về dẫn độ thì hồ sơ, **tài liệu** yêu cầu dẫn độ **phải kèm theo bản dịch ra** ngôn ngữ của nước được yêu cầu dẫn độ hoặc ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu dẫn độ chấp nhận.

3. Cơ quan **của Việt Nam có thẩm quyền** lập hồ sơ yêu cầu **dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp** ~~nước ngoài~~ phải dịch hồ sơ, **tài liệu** ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ **quy định** chi tiết Điều này.

Điều 9. Miễn hợp pháp hóa lãnh sự

Hồ sơ yêu cầu dẫn độ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nếu được ký, đóng dấu bởi **người**, cơ quan có thẩm quyền **của nước ngoài**, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 10. Chi phí thực hiện yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp **Nếu** Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh **của hoạt động dẫn độ** từ thời điểm tiếp nhận người bị dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Commented [c1]: Việc biên dịch và chứng thực các tài liệu được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

2. Trách nhiệm biên dịch và chứng thực:

a) Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ thì cơ quan lập hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam chịu trách nhiệm việc biên dịch và chứng thực các tài liệu ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cơ quan lập hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam là Cơ quan Trung ương về dẫn độ thì cơ quan quản lý, tiếp nhận, xử lý, giải quyết vụ án được nêu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ chịu trách nhiệm việc biên dịch và chứng thực các tài liệu ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp Việt Nam là nước được yêu cầu dẫn độ thì ngôn ngữ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ phải phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp ngôn ngữ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ do nước ngoài gửi đến Việt Nam theo quy định trong các điều ước quốc tế về dẫn độ không phải là tiếng Việt thì Bộ Công an chịu trách nhiệm biên dịch và chứng thực các tài liệu sang tiếng Việt.

3. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về dẫn độ hoặc trao đổi thông tin, tài liệu về các vấn đề khác của dẫn độ thì ngôn ngữ, việc biên dịch và chứng thực các tài liệu được thực hiện theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài. Về phía Việt Nam, Bộ Công an hoặc cơ quan trực tiếp thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về dẫn độ chịu trách nhiệm biên dịch và chứng thực các tài liệu đó.

2. Trường hợp **Nếu** Việt Nam là nước được yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chỉ trả các chi phí phát sinh của hoạt động dẫn độ đến thời điểm bàn giao người bị yêu cầu dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Chính phủ *quy định* chi tiết Điều này.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ

Kinh phí cho công tác dẫn độ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 12. Dẫn độ có điều kiện

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam phải *đáp ứng* một hoặc một số điều kiện để đồng ý dẫn độ, *Cơ quan trung ương về dẫn độ* chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể chấp nhận một phần hoặc toàn bộ điều kiện này *trên cơ sở phù hợp với nguyên tắc dẫn độ được quy định tại Điều 4 của Luật này*.

2. Trường hợp **cần yêu cầu** nước ngoài phải *đáp ứng* một hoặc một số điều kiện để Việt Nam đồng ý dẫn độ, *Cơ quan trung ương về dẫn độ* chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp nhận và *cam kết thực hiện* các điều kiện này.

3. Chính phủ *quy định* chi tiết Điều này.

Điều 13. Thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, *Cơ quan trung ương về dẫn độ* chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo sau đây:

a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ nếu người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự.

b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ không thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, **Cơ quan trung ương về dẫn độ** đề nghị nước ngoài **đưa ra** cam kết bằng văn bản về nội dung này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan **quy định** chi tiết Điều này.

Điều 14. Không truy cứu trách nhiệm hình sự, không thi hành án đối với người bị dẫn độ ngoài tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ; không dẫn độ cho bên thứ ba

1. Người bị dẫn độ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không phải thi hành án tại nước yêu cầu dẫn độ vì một tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc không bị dẫn độ cho **bên** thứ ba, trừ các trường hợp sau đây:

a) Nước được yêu cầu đã đồng ý trước đó bằng văn bản. Nước được yêu cầu có thể đề nghị gửi các tài liệu và thông tin quy định tại các điều 19, 20, 21 và 22 của Luật này;

b) Người bị dẫn độ đã không rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi, **trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác**. Thời hạn này sẽ không bao gồm thời gian mà người đó không thể ra khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ vì những lý do bất khả kháng;

c) Người bị dẫn độ đã tự nguyện quay trở lại sau khi đã rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ.

2. **Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với** Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao **quy định** chi tiết Điều này.

Điều 15. Quá cảnh người bị dẫn độ

1. Việc quá cảnh người bị dẫn độ qua lãnh thổ Việt Nam phải được thông báo trước bằng văn bản đến Bộ Công an.

2. **Trường hợp được phép quá cảnh**, nước đề nghị quá cảnh người bị dẫn độ chịu trách nhiệm quản lý người đó trong thời gian quá cảnh Việt Nam, chịu mọi chi phí quá cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. **Trường hợp vận chuyển bằng đường hàng không và hạ cánh đột xuất trên lãnh thổ Việt Nam**, người bị dẫn độ có thể bị quản lý theo quy định của

pháp luật Việt Nam. Việc quản lý người bị dẫn độ và chi phí có liên quan được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Việt Nam đề nghị nước ngoài cho phép quá cảnh người bị dẫn độ thì Bộ Công an liên hệ với nước ngoài để thực hiện các thủ tục xin phép quá cảnh người bị dẫn độ.

5. Chính phủ *quy định* chi tiết Điều này.

Điều 16. Cơ quan trung ương của Việt Nam về dẫn độ

1. Bộ Công an là Cơ quan trung ương của *Việt Nam* về dẫn độ.

2. Cơ quan trung ương về dẫn độ có trách nhiệm *làm đầu mối trao đổi thông tin, tài liệu liên quan đến dẫn độ*; hướng dẫn, lập, gửi và tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ của Việt Nam và của nước ngoài.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về dẫn độ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dẫn độ.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ; *giúp Chính phủ xây dựng báo cáo trình Quốc hội về hoạt động dẫn độ trong Báo cáo hằng năm của Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.*

3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ *theo* ~~được~~ quy định *của* ~~trong~~ Luật này *và luật khác có liên quan*; phối hợp với Bộ Công an *trong việc thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.*

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ *và cơ quan khác có liên quan* trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ *theo* ~~được~~ quy định *của* ~~trong~~ Luật này *và các luật khác có liên quan*; phối hợp với Bộ Công an *trong việc* thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.

Chương II

DẪN ĐỘ TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Điều 18. Cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ

1. Cơ quan trung ương về dẫn độ, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để thi hành án.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

1. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản yêu cầu dẫn độ;
- b) Các tài liệu kèm theo quy định tại Điều 21 hoặc Điều 22 của Luật này.

2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài được lập thành 03 bộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Ngôn ngữ **trong** hồ sơ **yêu cầu dẫn độ** được sử dụng **thực hiện** theo quy định tại Điều 8 của Luật này.

Điều 20. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

1. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm lập văn bản yêu cầu dẫn độ;
- b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan lập yêu cầu dẫn độ;
- c) Tên cơ quan được yêu cầu dẫn độ;
- d) Mục đích của yêu cầu dẫn độ;
- đ) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;
- e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu dẫn độ;
- g) Căn cứ pháp lý **để** khởi tố vụ án, khởi tố bị can, **truy tố**, đưa vụ án ra xét xử, **thi hành án hình sự**;
- h) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu dẫn độ;
- i) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu dẫn độ và khung hình phạt dự kiến áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án; nội dung điều luật về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ;
- k) Các đề nghị của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;
- l) Các cam kết của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;
- m) Các thông tin cần thiết khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam

Commented [b3]: bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: thông tin về hành vi phạm tội; lỗi, động cơ, mục đích phạm tội; phương thức, thủ đoạn phạm tội; địa điểm và thời gian phạm tội; các chứng cứ thu thập được; hậu quả của tội phạm và các thông tin cần thiết khác về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ

1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu sau đây:

- a) Ảnh khuôn mặt của người bị yêu cầu dẫn độ;
- b) Tài liệu xác định nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;
- c) Quyết định hoặc lệnh của cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan có thẩm quyền khác;
- d) Tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ;
- đ) Nội dung điều luật liên quan đến khởi tố vụ án, khởi tố bị can và các điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự;
- e) Các tài liệu khác, nếu có.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam

1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu sau đây:

- a) Các tài liệu được quy định từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật này;
- b) Bản án đã tuyên đối với người bị yêu cầu dẫn độ;
- c) Văn bản thông báo về thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án;
- d) Nội dung điều luật liên quan đến việc đưa vụ án ra xét xử và các điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để thi hành án;
- đ) Các tài liệu khác, nếu có.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 23. Tiếp nhận, kiểm tra, chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ và bổ sung thông tin, tài liệu

1. Cơ quan lập yêu cầu dẫn độ được quy định tại Điều 18 của Luật này có trách nhiệm gửi hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến Bộ Công an để kiểm tra tính hợp lệ, trừ trường hợp cơ quan lập yêu cầu dẫn độ là Cơ quan trung ương về dẫn độ.

Commented [c4]:

Commented [c5]:

Commented [b6]: 3. Quyết định thi hành án phạt tù;
4. Quyết định tổng hợp hình phạt, nếu có;

2. Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận. **Việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ được ghi vào sổ hồ sơ dẫn độ.** Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển cho nước ngoài; **trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.**

3. Trường hợp nước ngoài đề nghị bổ sung thông tin, tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ, cơ quan lập yêu cầu dẫn độ bổ sung thông tin, tài liệu để trả lời nước ngoài thông qua Bộ Công an, trừ trường hợp khi có thỏa thuận khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 24. Tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam

1. Sau khi nhận được quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Bộ Công an thành lập đoàn thực hiện việc tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 25. Xử lý trường hợp nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

Đó với vụ án có người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam mà người đó đã trốn ra nước ngoài nhưng nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam thì cơ quan lập yêu cầu dẫn độ chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để yêu cầu nước nơi người phạm tội đang có mặt hoặc nước người phạm tội mang quốc tịch tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương III

DẪN ĐỘ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

Điều 26. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài

Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam phải thực hiện theo quy định tại các điều 7, 8, 9, 19, 20, 21 và 22 của Luật này.

Điều 27. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài và xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ

1. Bộ Công an vào sổ hồ sơ dẫn độ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo các điều kiện quy định tại Điều 26 của Luật này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài. Bộ Công an vào sổ hồ sơ dẫn độ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo các

~~điều kiện quy định tại Điều 26 của Luật này.~~ Cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ **đang có mặt** tại Việt Nam.

2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài không hợp lệ, Bộ Công an trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thông tin, tài liệu, Bộ Công an yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài bổ sung trong thời hạn 60 ngày. Sau thời hạn này mà không nhận được thông tin, tài liệu bổ sung thì Bộ Công an gửi trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực nơi người bị yêu cầu dẫn độ đang cư trú, **đang bị** tạm giữ, đang bị tạm giam, đang chấp hành **án** phạt tù hoặc đang ở trong cơ sở lưu trú trên địa bàn **đó** 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ để xem xét, quyết định, đồng thời, chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực **có thẩm quyền**.

4. Việc tiếp nhận, chuyển giao văn bản, tài liệu, hồ sơ có thể được tiến hành trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Thụ lý, xóa **yêu cầu trong sổ thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam**

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ do Bộ Công an chuyển đến, Tòa án nhân dân khu vực phải thụ lý và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

2. Tòa án nhân dân khu vực có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài làm rõ thông tin, bổ sung tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ **trong thời hạn 30 ngày**. Việc trao đổi với nước ngoài được thực hiện thông qua Bộ Công an.

3. Tòa án nhân dân **đã thụ lý hồ sơ** xóa **yêu cầu trong** sổ thụ lý và **thông báo bằng văn bản cho Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:**

a) Bộ Công an đề nghị xóa **yêu cầu trong sổ thụ lý trên cơ sở ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này;**

b) Nước ngoài không cung cấp đủ thông tin, tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

~~4. Quyết định xóa sổ thụ lý được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.~~

Điều 29. Quyết định dẫn độ ra nước ngoài

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây và ***gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định***:

a) Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật này;

b) Quyết định đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ và trả hồ sơ cho Bộ Công an trong trường hợp không thuộc thẩm quyền hoặc bên nước ngoài rút yêu cầu dẫn độ hoặc người bị yêu cầu dẫn độ đã rời khỏi Việt Nam hoặc vì lý do khác mà việc xem xét không thể tiến hành được.

2. Tòa án nhân dân khu vực mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ **và ra một trong các quyết định quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này** trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. **Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ phải được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.**

3. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ do 01 Thẩm phán tiến hành và có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ làm việc theo trình tự sau đây:

a) Thẩm phán trình bày nội dung hồ sơ của nước yêu cầu dẫn độ và nêu ý kiến về cơ sở pháp lý của việc dẫn độ;

b) Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc dẫn độ;

c) Luật sư hoặc người đại diện **theo pháp luật** của người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến, nếu có;

d) Người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến;

đ) Thẩm phán quyết định việc dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ, **nêu rõ lý do.**

4. **Trên cơ sở kết quả Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây:**

a) Quyết định dẫn độ;

b) Quyết định từ chối dẫn độ và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực gửi quyết định đó cho **Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công an**, người bị yêu cầu dẫn độ **và người đại diện theo pháp luật của người đó, nếu có.**

Điều 30. Thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ

1. Người bị yêu cầu dẫn độ có quyền kháng cáo **trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ**. Viện kiểm sát nhân dân khu vực có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân khu vực ra **quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ**. Tòa án nhân dân khu vực phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dẫn độ và kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp tỉnh mở phiên họp xem xét **quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ** của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị. *Việc xem xét kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được tiến hành tại phiên họp do 01 Thẩm phán tiến hành, có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và tiến hành theo trình tự sau đây:*

a) *Thẩm phán trình bày tóm tắt nội dung hồ sơ yêu cầu dẫn độ, quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ, nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm;*

b) *Thẩm phán hỏi người bị yêu cầu dẫn độ hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó có thay đổi, bổ sung rút kháng cáo hay không; nếu có thì Thẩm phán yêu cầu Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo;*

Thẩm phán hỏi Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung rút kháng nghị phúc thẩm hay không; nếu có thì Thẩm phán yêu cầu người bị yêu cầu dẫn độ hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó và những người có liên quan đến kháng nghị phúc thẩm trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị;

c) *Kiểm sát viên, người khác có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc xem xét yêu cầu dẫn độ;*

3. *Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:*

a) *Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định sơ thẩm;*

b) *Sửa quyết định sơ thẩm;*

c) *Hủy quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ để xem xét lại;*

d) *Hủy quyết định sơ thẩm và đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ;*

đ) *Đình chỉ việc xem xét phúc thẩm.*

4. Quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ có hiệu lực pháp luật bao gồm:

a) **Quyết định của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị.**

b) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm.

5. Việc giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được thực hiện theo **quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không thực hiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với trường hợp đã thi hành quyết định dẫn độ. trừ trường hợp người được yêu cầu dẫn độ đã được dẫn độ ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.**

6. **Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết Điều này.**

Điều 31. Xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người

1. Trường hợp Bộ Công an nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với cùng một người, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với **Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao**, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu dẫn độ và chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Tòa án nhân dân khu vực **có thẩm quyền để xem xét, quyết định dẫn độ, đồng thời, chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho** Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền.

2. Khi xem xét yêu cầu dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài các quy định của pháp luật, còn phải xem xét các yếu tố liên quan sau đây:

a) Quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng **ở nước ngoài** của người bị yêu cầu dẫn độ;

b) Tính hợp pháp và mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ;

c) Thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;

d) Lợi ích riêng của các nước yêu cầu dẫn độ;

đ) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;

- e) Quốc tịch của người bị hại;
- g) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn độ;
- h) Ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ;
- i) Các yếu tố khác có liên quan.

3. Trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi Tòa án nhân dân khu vực đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước thì Tòa án nhân dân khu vực đó xóa **yêu cầu trong** sổ **quyết định đã** thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 28 **của** Luật này và trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Bộ Công an để tiếp tục xem xét, quyết định.

4. Bộ trưởng Bộ Công an **quy định** chi tiết khoản 2 Điều này.

~~Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết khoản 3 Điều này.~~

Điều 32. Các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ

Để bảo **đảm** thực hiện yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại **của** Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn được thực hiện khi nước ngoài chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ chính thức đến Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này.

Điều 33. Giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ

1. *Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam và nước đó là thành viên thì Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu theo quy định tại điều ước quốc tế đó. Trường hợp yêu cầu hợp lệ, Bộ Công an chuyển ngay yêu cầu đó cho cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú người nước ngoài chờ xuất cảnh theo quy định **của** pháp luật Việt Nam. Thời hạn và nội dung văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ được thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế đó.*

2. *Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ mà Việt Nam và nước đó không cùng là thành viên của điều ước quốc tế về dẫn độ thì Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp yêu cầu hợp lệ, Bộ Công an chuyển ngay yêu cầu đó cho cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú người nước ngoài chờ xuất cảnh theo quy*

định của pháp luật Việt Nam. Thời hạn giữ người trong trường hợp khẩn cấp không quá 45 ngày.

3. Văn bản yêu cầu **giữ** người trong trường hợp khẩn cấp **trước khi có yêu cầu** dẫn độ gồm các nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm lập yêu cầu;
- b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan yêu cầu;
- c) Lý do và mục đích của yêu cầu;
- d) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu;
- đ) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu và khung hình phạt áp dụng đối với người bị yêu cầu hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu phải thi hành án;
- e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu;
- g) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu;
- h) Cam kết gửi yêu cầu dẫn độ chính thức **trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày lập văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ**;
- i) Cam kết bồi thường thiệt hại trong trường hợp có oan, sai đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp **trước khi có yêu cầu dẫn độ**;
- k) **Cam kết các thông tin và tài liệu nêu trong yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp là chính xác, đúng sự thật; được thu thập và ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục của pháp luật nước ngoài;**
- l) **Cam kết người bị yêu cầu dẫn độ và người có tên bị nêu trong các quyết định tố tụng là cùng một người;**
- m) **Cam kết người bị yêu cầu dẫn độ phạm tội hình sự thông thường, không phải là tội phạm liên quan đến chính trị.**

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. Dẫn độ đơn giản

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ **có đơn** đồng ý với việc bị dẫn độ về nước ngoài, thì **trên cơ sở ý kiến của Bộ Công an**, Tòa án nhân dân **khu vực có thẩm quyền phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp** xem xét áp dụng **hoặc không áp dụng** thủ tục dẫn độ đơn giản.

2. Trình tự, thủ tục áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản được thực hiện như sau:

Commented [c7]: , bao gồm: thông tin về hành vi phạm tội, phương thức, thủ đoạn phạm tội, địa điểm và thời gian phạm tội, các chứng cứ thu thập được, hậu quả của tội phạm và các thông tin cần thiết khác về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ

a) Tòa án nhân dân thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đồng ý bị dẫn độ của người bị yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan có thẩm quyền xác minh người bị yêu cầu dẫn độ tự nguyện đồng ý việc bị dẫn độ và nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc bị dẫn độ.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc xác minh sự đồng ý bị dẫn độ, Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này mà không phải ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.

Điều 35. Thi hành quyết định dẫn độ

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định dẫn độ của Tòa án nhân dân có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực đã ra quyết định sơ thẩm có thẩm quyền ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Quyết định thi hành quyết định dẫn độ phải được gửi đến Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ, người bị dẫn độ và người đại diện theo pháp luật của người đó, nếu có. Việc gửi quyết định cho nước yêu cầu dẫn độ được thực hiện thông qua Bộ Công an.

2. Sau khi nhận được quyết định thi hành quyết định dẫn độ, Bộ Công an tổ chức thi hành theo trình tự sau đây:

a) Chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành bắt người bị dẫn độ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Thống nhất với nước yêu cầu dẫn độ về thời gian, địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ;

c) Chỉ đạo việc chuyển giao người bị dẫn độ, chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Luật này.

Điều 36. Chuyển giao người bị dẫn độ

1. Cơ quan Công an có thẩm quyền tổ chức việc áp giải người bị dẫn độ theo thời gian, địa điểm chuyển giao đã thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài. Việc áp giải người bị dẫn độ thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Thời hạn chuyển giao người bị dẫn độ không quá 30 ngày, kể từ ngày quyết định thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực. Trường hợp bất khả kháng hoặc

có lý do chính đáng, **thì** thời gian và địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ **do** Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trao đổi, thống nhất.

3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, **nếu nước yêu cầu dẫn độ** không tiếp nhận người bị dẫn độ **mà không có lý do chính đáng** thì Bộ Công an kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân **có thẩm quyền** đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ hủy quyết định này, trả tự do cho người bị dẫn độ và thông báo cho nước **yêu cầu dẫn độ**. Chánh án Tòa án nhân dân **có thẩm quyền** đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ kiến nghị **Thẩm phán** đã ra quyết định dẫn độ hủy quyết định dẫn độ. **Các quyết định nêu trên được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.**

Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, **nếu nước yêu cầu dẫn độ** không tiếp nhận người bị dẫn độ **mà không có lý do chính đáng** thì Bộ Công an kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ hủy quyết định thi hành quyết định dẫn độ và quyết định dẫn độ, trả tự do cho người bị dẫn độ và thông báo cho nước **yêu cầu dẫn độ**. **Các quyết định nêu trên được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.**

4. Bộ trưởng Bộ Công an **quy định** chi tiết Điều này.

Điều 37. Chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản

Trường hợp cần phải chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến người bị dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ thì Bộ Công an chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản đó cho nước yêu cầu dẫn độ tại thời điểm bàn giao người bị dẫn độ hoặc vào thời điểm khác theo thỏa thuận với nước yêu cầu dẫn độ. Đối với những chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản không thể chuyển giao mà buộc phải tiêu hủy thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ và đề nghị cơ quan bảo quản chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản đó tiêu hủy theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 38. Hoàn thi hành quyết định dẫn độ và tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đã có quyết định thi hành quyết định dẫn độ mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt trên lãnh thổ Việt Nam về tội không phải là tội bị yêu cầu dẫn độ thì **Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền** đã ra quyết định **thi hành quyết định dẫn độ tự mình hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan Công an có thẩm quyền đang truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc quản lý thi hành án**

hình sự người bị yêu cầu dẫn độ ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ người đó. Thời hạn hoãn thi hành quyết định dẫn độ chấm dứt khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên.

Bộ Công an thông báo **ngay** bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ về việc hoãn *thi hành quyết định* dẫn độ. *Quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.*

2. Khi **hết** thời hạn hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này, Chánh án Tòa án nhân dân **đã ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ hủy quyết định hoãn và cho tiếp tục** phải ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ; **đồng thời** và gửi quyết định *kèm theo hồ sơ*, tài liệu liên quan cho Bộ Công an để tiếp tục thi hành việc dẫn độ theo thoả thuận cụ thể với nước yêu cầu dẫn độ. Trình tự, thủ tục dẫn độ được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết Điều này.

Điều 39. Dẫn độ tạm thời

1. Trường hợp việc hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này cản trở việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở nước ngoài do hết thời hiệu hoặc gây khó khăn nghiêm trọng cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội bị yêu cầu dẫn độ thì **theo đề nghị của nước yêu cầu dẫn độ thông qua Bộ Công an, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan Công an có thẩm quyền đang truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc quản lý thi hành án hình sự người bị yêu cầu dẫn độ, Chánh án** Tòa án nhân dân **có thẩm quyền** đã ra quyết định hoãn dẫn độ có thể ra quyết định dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ. *Việc thi hành quyết định dẫn độ tạm thời được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.*

2. Người bị dẫn độ tạm thời phải được **chuyển giao** lại ngay cho Việt Nam sau khi quá trình *truy cứu trách nhiệm* hình sự tại nước yêu cầu dẫn độ kết thúc hoặc hết thời hạn yêu cầu dẫn độ tạm thời mà Việt Nam và nước **yêu cầu dẫn độ** đã thoả thuận **để tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với**

người này tại Việt Nam. Quyết định dẫn độ tạm thời hết hiệu lực khi người bị dẫn độ tạm thời được chuyển giao về Việt Nam.

3. Trường hợp nước yêu cầu dẫn độ không có yêu cầu dẫn độ mới, sau khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án đối với người này tại Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định dẫn độ tạm thời cho tiếp tục thực hiện quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Trường hợp nước yêu cầu dẫn độ có yêu cầu dẫn độ mới, thì theo đề nghị của Bộ Công an, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định dẫn độ tạm thời hủy quyết định dẫn độ, quyết định thi hành quyết định dẫn độ để xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ mới theo quy định của Luật này nếu có lý do chính đáng.

Điều 40. Dẫn độ lại

Trường hợp người đã bị dẫn độ trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án ở nước ngoài và quay trở lại Việt Nam thì nước yêu cầu dẫn độ có thể đưa ra yêu cầu dẫn độ lại người đó kèm theo **hồ sơ** quy định tại Điều 26 của Luật này. Trong trường hợp này, Tòa án nhân dân **đã ra quyết định sơ thẩm ra quyết định dẫn độ lại đối với người đó mà** ~~có thẩm quyền~~ không tiến hành ~~lại~~ thủ tục quyết định dẫn độ theo quy định tại Điều 29 của Luật này.

~~Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định dẫn độ trước đây ra quyết định dẫn độ lại đối với người đó.~~ Việc thi hành quyết định dẫn độ lại được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.

Điều 41. Từ chối dẫn độ

1. Tòa án nhân dân có thẩm quyền phải từ chối dẫn độ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) **Không phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật này;**
- b) Tội phạm bị yêu cầu dẫn độ không đáp ứng ~~các điều kiện được~~ quy định tại ~~khoản 1~~ Điều 6 của Luật này;
- c) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân Việt Nam;
- d) Hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc hết thời hiệu thi hành bản án đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- đ) Người bị yêu cầu dẫn độ đã bị Tòa án của Việt Nam kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc được tuyên không có tội hoặc được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc được miễn thi hành hình phạt về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- e) Người bị yêu cầu dẫn độ có khả năng bị truy bức, tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người ở nước yêu cầu dẫn độ;
- g) Yêu cầu dẫn độ được đưa ra vì lý do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị của người bị yêu cầu dẫn độ hoặc vì lý do này mà người đó có thể bị đối xử không công bằng trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành bản án đối với người đó.

2. Tòa án nhân dân có thẩm quyền ~~của Việt Nam~~ có thể từ chối dẫn độ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tội phạm bị nêu trong yêu cầu dẫn độ là tội phạm có liên quan đến chính trị hoặc liên quan đến quân sự *theo quy định tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*;

b) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Việt Nam về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ.

3. Tòa án nhân dân có thẩm quyền từ chối dẫn độ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này gửi quyết định từ chối dẫn độ cho Bộ Công an để thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ.

3. Trường hợp có căn cứ chắc chắn người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ được quy định tại khoản 1 Điều này thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản này.

Commented [c8]:

Điều 42. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài

1. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu nước ngoài có yêu cầu, việc xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và pháp luật về tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để thi hành án, nếu nước ngoài có yêu cầu, Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định từ chối dẫn độ có thể xem xét yêu cầu của nước ngoài công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án hình sự của tòa án nước ngoài theo quy định tại của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự và pháp luật về tương trợ tư pháp về hình sự.

Điều 43. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ người nước ngoài cho nước ngoài

Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ người nước ngoài cho nước ngoài, nếu nước ngoài có yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 45 của Luật này và quy định chuyển tiếp của các luật khác về tương trợ tư pháp.

Điều 45. Quy định chuyển tiếp

Các yêu cầu dân độ mà Bộ Công an lập hoặc tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định của Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

~~Quy định chuyển tiếp liên quan đến thẩm quyền của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động dân độ được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 225/2025/QH15 của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tổ tụng và luật khác có liên quan.~~

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

BỘ CÔNG AN

**SO SÁNH
DỰ THẢO LUẬT DẪN ĐỘ TRÌNH QUỐC HỘI TRƯỚC KỲ HỌP 9 CỦA QUỐC HỘI
VÀ DỰ THẢO LUẬT DẪN ĐỘ SAU KỲ HỌP THỨ 9 CỦA QUỐC HỘI**

DỰ THẢO LUẬT DẪN ĐỘ TRÌNH QUỐC HỘI TRƯỚC KỲ HỌP 9 CỦA QUỐC HỘI	DỰ THẢO LUẬT DẪN ĐỘ SAU KỲ HỌP THỨ 9 CỦA QUỐC HỘI
<p>LUẬT DẪN ĐỘ</p> <p><i>Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</i></p> <p><i>Quốc hội ban hành Luật Dẫn độ.</i></p>	<p>LUẬT DẪN ĐỘ</p> <p><i>Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;</i></p> <p><i>Quốc hội ban hành Luật Dẫn độ.</i></p>
<p>Chương I</p> <p>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước</p>	<p>Chương I</p> <p>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước</p>

ngoài và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong dẫn độ.	ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong dẫn độ.
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.</p>
<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Dẫn độ</i> là việc một nước chuyển giao cho nước khác một người có hành vi phạm tội hoặc người bị kết án hình sự đang có mặt trên lãnh thổ nước mình để nước tiếp nhận truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người đó.</p> <p>2. <i>Người bị yêu cầu dẫn độ</i> là người có hành vi phạm tội hoặc đã bị kết án hình sự mà pháp luật hình sự của nước yêu cầu dẫn độ và nước được yêu cầu dẫn độ quy định hành vi đó cấu thành tội phạm.</p>	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Dẫn độ</i> là việc Việt Nam chuyển giao cho nước ngoài hoặc nước ngoài chuyển giao cho Việt Nam người có hành vi phạm tội hoặc người bị kết án hình sự đang có mặt trên lãnh thổ nước mình để nước tiếp nhận truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người đó.</p> <p>2. <i>Người bị yêu cầu dẫn độ</i> là người có hành vi phạm tội hoặc đã bị kết án hình sự ở nước yêu cầu dẫn độ mà pháp luật của nước đó và nước được yêu cầu dẫn độ cùng quy định hành vi đó cấu thành tội phạm.</p>

<p>Điều 4. Nguyên tắc dẫn độ</p> <p>1. Dẫn độ được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về dẫn độ thì việc dẫn độ được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.</p>	<p>Điều 4. Nguyên tắc dẫn độ</p> <p>1. Dẫn độ được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>2. Trường hợp <i>nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i> và nước ngoài <i>không cùng là thành viên của</i> điều ước quốc tế về dẫn độ thì việc dẫn độ được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.</p>
<p>Điều 5. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ</p> <p>1. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại không được trái với nguyên tắc dẫn độ;</p> <p>b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có cam kết bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu của Việt Nam trong trường hợp tương tự;</p> <p>c) Thực tiễn và nhu cầu hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và nước ngoài theo nguyên tắc có đi có lại.</p>	<p>Điều 5. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ</p> <p>1. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) <i>Tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này;</i></p> <p>b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có cam kết bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu của Việt Nam trong trường hợp tương tự. <i>Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, nếu nước ngoài yêu cầu, Cơ quan trung ương về dẫn độ đưa ra cam kết bằng văn bản về việc áp dụng nguyên</i></p>

<p>2. Bộ Công an căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công an lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan trước khi quyết định.</p>	<p><i>tắc có đi có lại;</i></p> <p>c) Thực tiễn và nhu cầu hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và nước ngoài theo nguyên tắc có đi có lại.</p> <p>2. Cơ quan trung ương về dẫn độ căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan trung ương về dẫn độ lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan trước khi quyết định.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 6. Các trường hợp có thể bị dẫn độ</p> <p>1. Người có thể bị dẫn độ là người có hành vi phạm tội mà pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài quy định hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình hoặc đã bị Tòa án của nước yêu cầu xử phạt tù mà thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người đó còn lại ít nhất 06 tháng.</p> <p>2. Hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này không nhất thiết phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh, các yếu tố cấu thành tội phạm không nhất thiết phải giống nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.</p>	<p>Điều 6. Các trường hợp có thể bị dẫn độ</p> <p>1. Người có thể bị dẫn độ là người có hành vi phạm tội mà pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài quy định hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình hoặc đã bị Tòa án của nước yêu cầu dẫn độ xử phạt tù mà thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người đó còn lại ít nhất 06 tháng.</p> <p>2. Hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này không nhất thiết phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh, các yếu tố cấu thành tội phạm không nhất thiết phải giống nhau hoàn toàn theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.</p>

<p>3. Trường hợp nước ngoài yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều hành vi phạm tội, trong đó mỗi hành vi cấu thành một tội phạm theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài và có ít nhất một hành vi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này thì Việt Nam có thể đồng ý dẫn độ đối với tất cả các hành vi đó. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu, Bộ Công an đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đồng ý dẫn độ với các trường hợp tương tự.</p> <p>4. Trường hợp hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra ngoài lãnh thổ của Việt Nam thì việc dẫn độ người đó có thể được thực hiện nếu pháp luật Việt Nam quy định hành vi đó là hành vi phạm tội.</p>	<p>3. Trường hợp nước ngoài yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều hành vi phạm tội, trong đó mỗi hành vi cấu thành một tội phạm theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài và có ít nhất một hành vi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này thì Việt Nam có thể đồng ý dẫn độ đối với tất cả các hành vi đó. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đồng ý dẫn độ với các trường hợp tương tự.</p> <p>4. Trường hợp hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra ngoài lãnh thổ của Việt Nam thì việc dẫn độ người đó có thể được thực hiện nếu pháp luật Việt Nam quy định hành vi đó là hành vi phạm tội.</p>
<p>Điều 7. Hình thức văn bản và cách thức chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu dẫn độ được lập bằng văn bản. 2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ được chuyển qua kênh ngoại giao hoặc Cơ quan trung ương về dẫn độ. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. 	<p>Điều 7. Hình thức văn bản và cách thức chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu dẫn độ được lập bằng văn bản. 2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ được chuyển qua kênh ngoại giao hoặc Cơ quan trung ương về dẫn độ. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Ngôn ngữ trong dẫn độ

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về dẫn độ thì ngôn ngữ trong dẫn độ là ngôn ngữ được quy định trong điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về dẫn độ thì hồ sơ yêu cầu dẫn độ được dịch ra ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu dẫn độ hoặc dịch ra một ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu dẫn độ chấp nhận.

3. Cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 8. Ngôn ngữ trong dẫn độ

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về dẫn độ thì ngôn ngữ trong dẫn độ được **thực hiện theo** điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về dẫn độ thì hồ sơ yêu cầu dẫn độ **phải kèm theo bản dịch ra** ngôn ngữ của nước được yêu cầu dẫn độ hoặc ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu dẫn độ chấp nhận.

3. Cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài **dẫn độ** phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ **quy định** chi tiết Điều này.

Điều 9. Hợp pháp hóa lãnh sự

Yêu cầu dẫn độ và tài liệu kèm theo được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nếu được ký và đóng dấu bởi cơ quan và người có thẩm quyền, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 9. Miễn hợp pháp hóa lãnh sự

Hồ sơ yêu cầu dẫn độ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nếu được ký, đóng dấu bởi **người**, cơ quan có thẩm quyền **của nước ngoài**, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên có quy định khác.

<p>Điều 10. Chi phí thực hiện yêu cầu dẫn độ</p> <p>1. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh từ thời điểm tiếp nhận người bị dẫn độ; trường hợp Việt Nam là nước được yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh đến thời điểm bàn giao người bị yêu cầu dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>2. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.</p>	<p>Điều 10. Chi phí thực hiện yêu cầu dẫn độ</p> <p>1. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh <i>của hoạt động dẫn độ</i> từ thời điểm tiếp nhận người bị dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>2. <i>Trường hợp Việt Nam là nước được yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh của hoạt động dẫn độ đến thời điểm bàn giao người bị yêu cầu dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</i></p> <p>3. Chính phủ <i>quy định</i> chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 11. Kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ</p> <p>Kinh phí cho công tác dẫn độ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p>	<p>Điều 11. Kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ</p> <p>Kinh phí cho công tác dẫn độ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p>
<p>Điều 12. Dẫn độ có điều kiện</p> <p>1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam phải thực hiện một hoặc một số điều kiện để đồng ý dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể chấp nhận một phần hoặc toàn bộ điều kiện này.</p>	<p>Điều 12. Dẫn độ có điều kiện</p> <p>1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam phải <i>đáp ứng</i> một hoặc một số điều kiện để đồng ý dẫn độ, <i>Cơ quan trung ương về dẫn độ</i> chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể chấp nhận một phần hoặc toàn bộ điều kiện này <i>trên cơ sở phù hợp với nguyên tắc dẫn</i></p>

<p>2. Trường hợp nước ngoài phải thực hiện một hoặc một số điều kiện để Việt Nam đồng ý dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp nhận các điều kiện này.</p> <p>3. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.</p>	<p>độ được quy định tại Điều 4 Luật này.</p> <p>2. Trường hợp nước ngoài phải đáp ứng một hoặc một số điều kiện để Việt Nam đồng ý dẫn độ, Cơ quan trung ương về dẫn độ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp nhận và cam kết thực hiện các điều kiện này.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 13. Thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ</p> <p>1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo sau đây:</p> <p>a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ nếu người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự.</p> <p>b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ không thuộc trường hợp được quy</p>	<p>Điều 13. Thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ</p> <p>1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Cơ quan trung ương về dẫn độ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo sau đây:</p> <p>a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ nếu người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự.</p> <p>b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ không thuộc trường hợp được quy</p>

<p>định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an đề nghị nước ngoài đưa ra cam kết bằng văn bản về nội dung này.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan hướng dẫn chi tiết Điều này.</p>	<p>định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Cơ quan trung ương về dẫn độ đề nghị nước ngoài đưa ra cam kết bằng văn bản về nội dung này.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 14. Không truy cứu trách nhiệm hình sự, không thi hành án đối với người bị dẫn độ ngoài tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ; không dẫn độ cho nước thứ ba</p> <p>1. Người bị dẫn độ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không phải thi hành án tại nước yêu cầu dẫn độ vì một tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc không bị dẫn độ cho nước thứ ba, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nước được yêu cầu đã đồng ý trước đó bằng văn bản. Nước được yêu cầu có thể đề nghị gửi các tài liệu và thông tin</p>	<p>Điều 14. Không truy cứu trách nhiệm hình sự, không thi hành án đối với người bị dẫn độ ngoài tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ; không dẫn độ cho bên thứ ba</p> <p>1. Người bị dẫn độ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không phải thi hành án tại nước yêu cầu dẫn độ vì một tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc không bị dẫn độ cho bên thứ ba, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nước được yêu cầu đã đồng ý trước đó bằng văn bản. Nước được yêu cầu có thể đề nghị gửi các tài liệu và thông tin</p>

<p>quy định tại các điều 19, 20, 21, 22 của Luật này.</p> <p>b) Người bị dẫn độ đã không rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi. Thời hạn này sẽ không bao gồm thời gian mà người đó không thể ra khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ vì những lý do bất khả kháng.</p> <p>c) Người bị dẫn độ đã tự nguyện quay trở lại sau khi đã rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ.</p> <p>2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết Điều này.</p>	<p>quy định tại các điều 19, 20, 21 <i>và</i> 22 của Luật này;</p> <p>b) Người bị dẫn độ đã không rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi, <i>trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác</i>. Thời hạn này sẽ không bao gồm thời gian mà người đó không thể ra khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ vì những lý do bất khả kháng;</p> <p>c) Người bị dẫn độ đã tự nguyện quay trở lại sau khi đã rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ.</p> <p>2. <i>Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với</i> Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao <i>quy định</i> chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 15. Quá cảnh người bị dẫn độ</p> <p>1. Việc quá cảnh người bị dẫn độ qua lãnh thổ Việt Nam phải được thông báo trước bằng văn bản đến Bộ Công an.</p> <p>2. Nước đề nghị quá cảnh người bị dẫn độ chịu trách nhiệm quản lý người đó trong thời gian quá cảnh Việt Nam, chịu mọi chi phí quá cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p>	<p>Điều 15. Quá cảnh người bị dẫn độ</p> <p>1. Việc quá cảnh người bị dẫn độ qua lãnh thổ Việt Nam phải được thông báo trước bằng văn bản đến Bộ Công an.</p> <p>2. <i>Trường hợp được phép quá cảnh</i>, nước đề nghị quá cảnh người bị dẫn độ chịu trách nhiệm quản lý người đó trong thời gian quá cảnh Việt Nam, chịu mọi chi phí quá cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa</p>

<p>3. Trường hợp Việt Nam đề nghị nước ngoài cho phép quá cảnh người bị dẫn độ thì Bộ Công an liên hệ với nước ngoài để thực hiện các thủ tục xin phép quá cảnh người bị dẫn độ.</p> <p>4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.</p>	<p>thuận khác.</p> <p>3. Trường hợp vận chuyển bằng đường hàng không và hạ cánh đột xuất trên lãnh thổ Việt Nam, người bị dẫn độ có thể bị quản lý theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc quản lý người bị dẫn độ và chi phí có liên quan được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Trường hợp Việt Nam đề nghị nước ngoài cho phép quá cảnh người bị dẫn độ thì Bộ Công an liên hệ với nước ngoài để thực hiện các thủ tục xin phép quá cảnh người bị dẫn độ.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 16. Cơ quan trung ương về dẫn độ</p> <p>1. Bộ Công an là Cơ quan trung ương về dẫn độ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Cơ quan trung ương về dẫn độ của Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, lập, gửi và tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ của Việt Nam và của nước ngoài.</p>	<p>Điều 16. Cơ quan trung ương của Việt Nam về dẫn độ</p> <p>1. Bộ Công an là Cơ quan trung ương của Việt Nam về dẫn độ.</p> <p>2. Cơ quan trung ương về dẫn độ có trách nhiệm làm đầu mối trao đổi thông tin, tài liệu liên quan đến dẫn độ; hướng dẫn, lập, gửi và tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ của Việt Nam và của nước ngoài.</p>

<p>Điều 17. Quản lý nhà nước về dẫn độ</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dẫn độ.</p> <p>2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.</p> <p>3. Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ được quy định trong Luật này; phối hợp với Bộ Công an quản lý nhà nước về dẫn độ.</p> <p>4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ được quy định trong Luật này; phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.</p>	<p>Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về dẫn độ</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dẫn độ.</p> <p>2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ; <i>giúp Chính phủ xây dựng báo cáo trình Quốc hội về hoạt động dẫn độ lồng ghép vào Báo cáo hằng năm của Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.</i></p> <p>3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ được quy định trong Luật này <i>và luật khác có liên quan</i>; phối hợp với Bộ Công an <i>trong việc thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.</i></p> <p>4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ <i>và cơ quan khác có liên quan</i> trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ được quy định trong Luật này <i>và các luật khác có liên quan</i>; phối hợp với Bộ Công an <i>trong việc</i> thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.</p>
<p style="text-align: center;">Chương II</p> <p style="text-align: center;">DẪN ĐỘ TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM</p> <p>Điều 18. Cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ</p>	<p style="text-align: center;">Chương II</p> <p style="text-align: center;">DẪN ĐỘ TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM</p> <p>Điều 18. Cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ</p>

<p>1. Cơ quan trung ương về dẫn độ, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để thi hành án.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 của Điều này.</p>	<p>1. Cơ quan trung ương về dẫn độ, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để thi hành án.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 19. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài</p> <p>1. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Văn bản yêu cầu dẫn độ;</p> <p>b) Các tài liệu kèm theo quy định tại Điều 21 hoặc Điều 22 của Luật này.</p> <p>2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài được lập thành 03 bộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Ngôn ngữ được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu theo quy định tại Điều 8 của Luật này.</p>	<p>Điều 19. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam</p> <p>1. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Văn bản yêu cầu dẫn độ;</p> <p>b) Các tài liệu kèm theo quy định tại Điều 21 hoặc Điều 22 của Luật này.</p> <p>2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài được lập thành 03 bộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Ngôn ngữ được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu theo quy định tại Điều 8 của Luật này.</p>
<p>Điều 20. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài</p> <p>1. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước</p>	<p>Điều 20. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam</p> <p>1. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các nội dung sau đây:</p>

ngoài gồm các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm lập văn bản yêu cầu dẫn độ;
- b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan lập yêu cầu dẫn độ;
- c) Tên cơ quan được yêu cầu dẫn độ;
- d) Mục đích của yêu cầu dẫn độ;
- đ) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;
- e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu dẫn độ;
- g) Căn cứ pháp lý khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đưa vụ án ra xét xử;
- h) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu dẫn độ;
- i) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu dẫn độ và khung hình phạt dự kiến áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án; nội dung điều luật về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ;
- k) Các đề nghị của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;
- l) Các cam kết của Việt Nam đối với nước được yêu cầu

- a) Ngày, tháng, năm lập văn bản yêu cầu dẫn độ;
- b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan lập yêu cầu dẫn độ;
- c) Tên cơ quan được yêu cầu dẫn độ;
- d) Mục đích của yêu cầu dẫn độ;
- đ) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;
- e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu dẫn độ;
- g) Căn cứ pháp lý khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đưa vụ án ra xét xử;
- h) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu dẫn độ;
- i) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu dẫn độ và khung hình phạt dự kiến áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án; nội dung điều luật về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ;
- k) Các đề nghị của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;
- l) Các cam kết của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;

<p>dẫn độ;</p> <p>m) Các thông tin cần thiết khác.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>m) Các thông tin cần thiết khác.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 21. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài</p> <p>1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Ảnh khuôn mặt của người bị yêu cầu dẫn độ;</p> <p>b) Tài liệu xác định nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;</p> <p>c) Quyết định hoặc lệnh của cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>d) Tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ;</p> <p>đ) Nội dung điều luật liên quan đến khởi tố vụ án, khởi tố bị can và các điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Các tài liệu khác, nếu có.</p>	<p>Điều 21. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam</p> <p>1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Ảnh khuôn mặt của người bị yêu cầu dẫn độ;</p> <p>b) Tài liệu xác định nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;</p> <p>c) Quyết định hoặc lệnh của cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>d) Tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ;</p> <p>đ) Nội dung điều luật liên quan đến khởi tố vụ án, khởi tố bị can và các điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Các tài liệu khác, nếu có.</p>

<p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 22. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam gửi đi nước ngoài</p> <p>1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Các tài liệu được quy định từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật này;</p> <p>b) Bản án đã tuyên đối với người bị yêu cầu dẫn độ;</p> <p>c) Văn bản thông báo về thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án;</p> <p>d) Nội dung điều luật liên quan đến việc đưa vụ án ra xét xử và các điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để thi hành án;</p> <p>đ) Các tài liệu khác, nếu có.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>Điều 22. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam</p> <p>1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Các tài liệu được quy định từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật này;</p> <p>b) Bản án đã tuyên đối với người bị yêu cầu dẫn độ;</p> <p>c) Văn bản thông báo về thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án;</p> <p>d) Nội dung điều luật liên quan đến việc đưa vụ án ra xét xử và các điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để thi hành án;</p> <p>đ) Các tài liệu khác, nếu có.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 23. Tiếp nhận, kiểm tra, chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ và bổ sung thông tin, tài liệu</p> <p>1. Cơ quan lập yêu cầu dẫn độ được quy định tại Điều</p>	<p>Điều 23. Tiếp nhận, kiểm tra, chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ và bổ sung thông tin, tài liệu</p> <p>1. Cơ quan lập yêu cầu dẫn độ được quy định tại Điều</p>

18 của Luật này có trách nhiệm gửi hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến Bộ Công an để kiểm tra tính hợp lệ, trừ trường hợp cơ quan lập yêu cầu dẫn độ là Cơ quan Trung ương về dẫn độ.

2. Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho nước ngoài.

3. Trường hợp nước ngoài đề nghị bổ sung thông tin, tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ, cơ quan lập yêu cầu dẫn độ bổ sung thông tin, tài liệu để trả lời nước ngoài thông qua Bộ Công an, trừ khi có thỏa thuận khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết **khoản 2 và khoản 3** Điều này.

18 của Luật này có trách nhiệm gửi hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến Bộ Công an để kiểm tra tính hợp lệ, trừ trường hợp cơ quan lập yêu cầu dẫn độ là Cơ quan trung ương về dẫn độ.

2. Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận. ***Việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ được ghi vào sổ hồ sơ dẫn độ.*** Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển cho nước ngoài; ***trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.***

3. Trường hợp nước ngoài đề nghị bổ sung thông tin, tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ, cơ quan lập yêu cầu dẫn độ bổ sung thông tin, tài liệu để trả lời nước ngoài thông qua Bộ Công an, trừ khi có thỏa thuận khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 24. Tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam

1. Sau khi nhận được quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Bộ Công an thành lập đoàn tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam.

2. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 24. Tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam

1. Sau khi nhận được quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Bộ Công an thành lập đoàn tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam.

2. ***Chính phủ quy định*** chi tiết Điều này.

<p>Điều 25. Xử lý trường hợp nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam</p> <p>1. Trường hợp nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam thì cơ quan lập yêu cầu dẫn độ lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị chuyển hồ sơ vụ án cho nước ngoài để tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn chi tiết Điều này.</p>	<p>Điều 25. Xử lý trường hợp nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam</p> <p><i>Đối với vụ án có người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam mà người đó đã trốn ra nước ngoài nhưng nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam thì cơ quan lập yêu cầu dẫn độ chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để yêu cầu nước nơi người phạm tội đang có mặt hoặc nước người phạm tội mang quốc tịch tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự.</i></p>
<p style="text-align: center;">Chương III</p> <p style="text-align: center;">DẪN ĐỘ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI</p> <p>Điều 26. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam</p> <p>Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam phải đáp ứng quy định tại các điều 7, 8, 9, 19, 20, 21, 22 của Luật này.</p>	<p style="text-align: center;">Chương III</p> <p style="text-align: center;">DẪN ĐỘ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI</p> <p>Điều 26. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài</p> <p>Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam phải thực hiện theo quy định tại các điều 7, 8, 9, 19, 20, 21 và 22 của Luật này.</p>

Điều 27. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam và xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Bộ Công an vào sổ hồ sơ dẫn độ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo các điều kiện quy định tại **Điều 26** của Luật này. Cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ tại Việt Nam.

2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài không hợp lệ, Bộ Công an trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thông tin, tài liệu, Bộ Công an yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài bổ sung trong thời hạn 60 ngày. Sau thời hạn này mà không nhận được thông tin, tài liệu bổ sung thì Bộ Công an gửi trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực nơi người bị yêu cầu dẫn độ đang cư trú, đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang ở trong cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ để xem xét, quyết định, đồng thời chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực để kiểm soát theo quy định.

Điều 27. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài và xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Bộ Công an vào sổ hồ sơ dẫn độ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo các điều kiện quy định tại Điều 26 của Luật này. Cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ tại Việt Nam.

2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài không hợp lệ, Bộ Công an trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thông tin, tài liệu, Bộ Công an yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài bổ sung trong thời hạn 60 ngày. Sau thời hạn này mà không nhận được thông tin, tài liệu bổ sung thì Bộ Công an gửi trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực nơi người bị yêu cầu dẫn độ đang cư trú, **đang bị** tạm giữ, đang bị tạm giam, đang chấp hành **án** phạt tù hoặc đang ở trong cơ sở lưu trú trên địa bàn **đó** 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ để xem xét, quyết định, đồng thời, chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực **có thẩm quyền**.

	<p><i>4. Việc tiếp nhận, chuyển giao văn bản, tài liệu, hồ sơ có thể được tiến hành trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i></p>
<p>Điều 28. Thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam</p> <p>1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ do Bộ Công an chuyển đến, Tòa án nhân dân khu vực phải thụ lý và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.</p> <p>2. Tòa án nhân dân khu vực có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài làm rõ thông tin, bổ sung tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ. Việc trao đổi với nước ngoài được thực hiện thông qua Bộ Công an.</p> <p>3. Trên cơ sở ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an có thể đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xóa sổ quyết định thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ.</p>	<p>Điều 28. Thụ lý, xóa sổ thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam</p> <p>1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ do Bộ Công an chuyển đến, Tòa án nhân dân khu vực phải thụ lý và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.</p> <p>2. Tòa án nhân dân khu vực có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài làm rõ thông tin, bổ sung tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày. Việc trao đổi với nước ngoài được thực hiện thông qua Bộ Công an.</p> <p>3. Tòa án nhân dân đã thụ lý hồ sơ xóa sổ thụ lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><i>a) Bộ Công an đề nghị xóa sổ quyết định thụ lý trên cơ sở ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này;</i></p> <p><i>b) Nước ngoài không cung cấp đủ thông tin, tài liệu</i></p>

	<p><i>quy định tại khoản 2 Điều này.</i></p> <p>4. Quyết định xóa sổ thụ lý được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.</p>
<p>Điều 29. Quyết định dẫn độ cho nước ngoài</p> <p>1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây:</p> <p>a) Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Quyết định đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ và trả hồ sơ cho Bộ Công an trong trường hợp không thuộc thẩm quyền hoặc bên nước ngoài rút yêu cầu dẫn độ hoặc người bị yêu cầu dẫn độ đã rời khỏi Việt Nam hoặc vì lý do khác mà việc xem xét không thể tiến hành được.</p> <p>2. Tòa án nhân dân khu vực mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ phải được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.</p> <p>3. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ do 01 thẩm phán</p>	<p>Điều 29. Quyết định dẫn độ ra nước ngoài</p> <p>1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây và <i>gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định:</i></p> <p>a) Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Quyết định đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ và trả hồ sơ cho Bộ Công an trong trường hợp không thuộc thẩm quyền hoặc bên nước ngoài rút yêu cầu dẫn độ hoặc người bị yêu cầu dẫn độ đã rời khỏi Việt Nam hoặc vì lý do khác mà việc xem xét không thể tiến hành được.</p> <p>2. Tòa án nhân dân khu vực mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ và <i>ra một trong các quyết định quy định tại khoản 4 Điều này</i> trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ phải được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.</p>

tiến hành và có sự tham gia của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ làm việc theo trình tự sau đây:

a) Thẩm phán chủ tọa Phiên họp trình bày nội dung hồ sơ của nước yêu cầu dẫn độ và nêu ý kiến về cơ sở pháp lý của việc dẫn độ;

b) Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc dẫn độ;

c) Luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến, nếu có;

d) Người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến;

đ) Thẩm phán chủ tọa Phiên họp quyết định việc dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ.

4. Trên cơ sở kết quả Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định dẫn độ;

b) Quyết định từ chối dẫn độ và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực gửi quyết định đó cho người bị yêu cầu dẫn độ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Bộ Công an để thực hiện các quyền và

3. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ do 01 Thẩm phán tiến hành và có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ làm việc theo trình tự sau đây:

a) Thẩm phán trình bày nội dung hồ sơ của nước yêu cầu dẫn độ và nêu ý kiến về cơ sở pháp lý của việc dẫn độ;

b) Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc dẫn độ;

c) Luật sư hoặc người đại diện *theo pháp luật* của người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến, nếu có;

d) Người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến;

đ) Thẩm phán quyết định việc dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ.

4. Trên cơ sở kết quả Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định dẫn độ;

b) Quyết định từ chối dẫn độ và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực gửi quyết định đó cho *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công an*, người bị yêu

<p>nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>cầu dẫn độ và người đại diện theo pháp luật của người đó, nếu có.</p>
<p>Điều 30. Kháng cáo, kháng nghị, giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ</p> <p>1. Người bị yêu cầu dẫn độ có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định. Tòa án nhân dân khu vực phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.</p> <p>2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dẫn độ và kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp tỉnh mở phiên họp xem xét, quyết định của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị. Thẩm phán chủ tọa Phiên họp xem xét phúc thẩm quyết định về việc dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ. Trình tự, thủ tục xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án nhân dân khu vực được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này.</p> <p>3. Quyết định dẫn độ hoặc Quyết định từ chối dẫn độ có</p>	<p>Điều 30. Thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ</p> <p>1. Người bị yêu cầu dẫn độ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ. Viện kiểm sát nhân dân khu vực có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ. Tòa án nhân dân khu vực phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.</p> <p>2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dẫn độ và kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp tỉnh mở phiên họp xem xét quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị. <i>Việc xem xét kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được tiến hành tại phiên họp do 01 Thẩm phán tiến hành, có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân</i></p>

hiệu lực pháp luật bao gồm:

a) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

b) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm.

4. Việc giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại **Điều 370 và 397** Bộ luật Tố tụng hình sự.

cùng cấp và tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Thẩm phán trình bày nội dung hồ sơ yêu cầu dẫn độ, quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ, nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm;

b) Thẩm phán hỏi người bị yêu cầu dẫn độ hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó có thay đổi, bổ sung rút kháng cáo hay không; nếu có thì Thẩm phán yêu cầu Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo;

Thẩm phán hỏi Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung rút kháng nghị phúc thẩm hay không; nếu có thì Thẩm phán yêu cầu người bị yêu cầu dẫn độ hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó và những người có liên quan đến kháng nghị phúc thẩm trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị;

c) Kiểm sát viên, người khác có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc xem xét yêu cầu dẫn độ;

3. Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây:

a) Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ

nguyên quyết định sơ thẩm;

b) Sửa quyết định sơ thẩm;

c) Hủy quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ để xem xét lại;

d) Hủy quyết định sơ thẩm và đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ;

đ) Đình chỉ việc xem xét phúc thẩm.

4. Quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ có hiệu lực pháp luật bao gồm:

a) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị.

b) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm.

5. Việc giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được thực hiện theo **quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, trừ trường hợp người được yêu cầu dẫn độ đã được dẫn độ ra khỏi lãnh thổ Việt nam.**

6. **Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết Điều này.**

Điều 31. Xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người

1. Trường hợp Bộ Công an nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với cùng một người, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu dẫn độ và chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ đó cho Tòa án nhân dân khu vực và Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền xem xét, quyết định dẫn độ.

2. Khi xem xét yêu cầu dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài các quy định của pháp luật, còn phải xem xét các yếu tố liên quan sau đây:

- a) Quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng của người bị yêu cầu dẫn độ;
- b) Tính hợp pháp và mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ;
- c) Thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;
- d) Lợi ích riêng của các nước yêu cầu dẫn độ;
- đ) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;
- e) Quốc tịch của người bị hại;
- g) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn

Điều 31. Xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người

1. Trường hợp Bộ Công an nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với cùng một người, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với **Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao**, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu dẫn độ và chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Tòa án nhân dân khu vực **có thẩm quyền để xem xét, quyết định dẫn độ, đồng thời, chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho** Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền.

2. Khi xem xét yêu cầu dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài các quy định của pháp luật, còn phải xem xét các yếu tố liên quan sau đây:

- a) Quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng của người bị yêu cầu dẫn độ;
- b) Tính hợp pháp và mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ;
- c) Thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;
- d) Lợi ích riêng của các nước yêu cầu dẫn độ;
- đ) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;
- e) Quốc tịch của người bị hại;

<p>độ;</p> <p>h) Ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ;</p> <p>i) Các yếu tố khác có liên quan.</p> <p>3. Trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi Tòa án nhân dân khu vực đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước thì Bộ Công an đề nghị Tòa án nhân dân khu vực đó xóa sổ quyết định đã thụ lý theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật này và trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ đã thụ lý cho Bộ Công an để tiếp tục xem xét, quyết định.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết khoản 2 Điều này.</p>	<p>g) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn độ;</p> <p>h) Ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ;</p> <p>i) Các yếu tố khác có liên quan.</p> <p>3. Trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi Tòa án nhân dân khu vực đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước thì Tòa án nhân dân khu vực đó xóa sổ quyết định đã thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 28 <i>của</i> Luật này và trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Bộ Công an để tiếp tục xem xét, quyết định.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Công an <i>quy định</i> chi tiết khoản 2 Điều này.</p> <p><i>Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết khoản 3 Điều này.</i></p>
<p>Điều 32. Các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ</p> <p>Để đảm bảo thực hiện yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn được thực hiện khi nước ngoài chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ chính thức đến Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này.</p>	<p>Điều 32. Các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ</p> <p>Để bảo <i>đảm</i> thực hiện yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn được thực hiện khi nước ngoài chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ chính thức đến Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này.</p>

Điều 33. Trình tự, thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó là thành viên thì thực hiện theo quy định tại Điều 113 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nếu nước yêu cầu cung cấp đủ thông tin và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Văn bản yêu cầu bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ gồm các nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm lập yêu cầu;
- b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan yêu cầu;
- c) Lý do và mục đích của yêu cầu;
- d) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu;
- đ) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu và khung hình phạt áp dụng đối với người bị yêu cầu hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu phải thi hành án;
- e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu;
- g) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có

Điều 33. Giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam và nước đó là thành viên thì Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu theo quy định tại điều ước quốc tế đó. Trường hợp yêu cầu hợp lệ, Bộ Công an chuyển ngay yêu cầu đó cho cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú người nước ngoài chờ xuất cảnh theo quy định pháp luật Việt Nam. Thời hạn và nội dung văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ được thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ mà Việt Nam và nước đó không cùng là thành viên của điều ước quốc tế về dẫn độ thì Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp yêu cầu hợp lệ, Bộ Công an chuyển ngay yêu cầu đó cho cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú người nước ngoài chờ xuất cảnh theo quy định pháp luật Việt Nam. Thời hạn giữ người trong trường hợp khẩn cấp không quá 45 ngày.

thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu;

h) Cam kết gửi yêu cầu dẫn độ chính thức sau đó;

i) Cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó là thành viên;

k) Cam kết bồi thường thiệt hại trong trường hợp có oan, sai đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ.

3. Trường hợp nước yêu cầu chưa ký kết điều ước quốc tế về dẫn độ với Việt Nam thì trình tự, thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Văn bản yêu cầu **giữ** người trong trường hợp khẩn cấp **trước khi có yêu cầu** dẫn độ gồm các nội dung sau:

a) Ngày, tháng, năm lập yêu cầu;

b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan yêu cầu;

c) Lý do và mục đích của yêu cầu;

d) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu;

đ) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu và khung hình phạt áp dụng đối với người bị yêu cầu hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu phải thi hành án;

e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu;

g) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu;

h) Cam kết gửi yêu cầu dẫn độ chính thức **trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày lập văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ**;

i) Cam kết bồi thường thiệt hại trong trường hợp có oan, sai đối với người bị **giữ** trong trường hợp khẩn cấp **trước khi có yêu cầu dẫn độ**;

k) **Cam kết các thông tin và tài liệu nêu trong yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp là chính xác, đúng sự**

	<p><i>thật; được thu thập và ban hành đúng thẩm quyền, tuân thủ trình tự, thủ tục của pháp luật nước ngoài;</i></p> <p><i>l) Cam kết người bị yêu cầu dẫn độ và người có tên bị nêu trong các quyết định tố tụng là cùng một người;</i></p> <p><i>m) Cam kết người bị yêu cầu dẫn độ phạm tội hình sự thông thường, không phải là tội phạm liên quan đến chính trị.</i></p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 34. Dẫn độ đơn giản</p> <p>1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đồng ý bằng văn bản với việc bị dẫn độ về nước ngoài thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp xem xét áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản được thực hiện như sau:</p> <p>a) Tòa án nhân dân thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.</p> <p>b) Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan có thẩm quyền xác minh sự đồng ý bị dẫn độ một cách tự nguyện với nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc bị dẫn độ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận</p>	<p>Điều 34. Dẫn độ đơn giản</p> <p>1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ <i>có đơn</i> đồng ý với việc bị dẫn độ về nước ngoài thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp xem xét áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản được thực hiện như sau:</p> <p>a) Tòa án nhân dân thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.</p> <p>b) <i>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đồng ý bị dẫn độ của người bị yêu cầu dẫn độ</i>, Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan có thẩm quyền xác minh sự đồng ý bị dẫn độ một cách tự nguyện với</p>

<p>được đơn đồng ý bị dẫn độ của người bị yêu cầu dẫn độ.</p> <p>c) Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xác nhận xong sự đồng ý bị dẫn độ mà không phải ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.</p>	<p>nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc bị dẫn độ.</p> <p>c) <i>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc xác minh sự đồng ý bị dẫn độ</i>, Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này mà không phải ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.</p>
<p>Điều 35. Thi hành quyết định dẫn độ</p> <p>1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định dẫn độ của Tòa án nhân dân có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Quyết định thi hành quyết định dẫn độ phải được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, người bị dẫn độ, Bộ Công an và cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước yêu cầu dẫn độ.</p> <p>2. Sau khi nhận được quyết định thi hành quyết định dẫn độ, cơ quan công an có thẩm quyền tiến hành bắt người bị dẫn độ theo quy định tại Điều 113 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bộ Công an tổ chức thi hành quyết định dẫn độ và thông báo bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ.</p>	<p>Điều 35. Thi hành quyết định dẫn độ</p> <p>1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định dẫn độ của Tòa án nhân dân có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Quyết định thi hành quyết định dẫn độ phải được gửi đến Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan <i>có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ, người bị dẫn độ và người đại diện theo pháp luật của người đó, nếu có. Việc gửi quyết định cho nước yêu cầu dẫn độ được thực hiện thông qua Bộ Công an.</i></p> <p>2. Sau khi nhận được quyết định thi hành quyết định dẫn độ, Bộ Công an tổ chức thi hành theo trình tự sau đây:</p> <p>a) <i>Chỉ đạo</i> cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành bắt người bị dẫn độ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình</p>

	<p>sự;</p> <p><i>b) Thống nhất với nước yêu cầu dẫn độ về thời gian, địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ;</i></p> <p><i>c) Chỉ đạo việc chuyển giao người bị dẫn độ, chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Luật này.</i></p>
<p>Điều 36. Chuyển giao người bị dẫn độ</p> <p>1. Cơ quan Công an có thẩm quyền tổ chức việc áp giải người bị dẫn độ theo thời gian, địa điểm chuyển giao đã thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài. Việc áp giải người bị dẫn độ thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.</p> <p>2. Thời hạn chuyển giao người bị dẫn độ không quá 30 ngày, kể từ ngày quyết định thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực. Trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng, Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trao đổi, thống nhất lại thời gian và địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ.</p> <p>3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà phía nước ngoài không tiếp nhận người bị dẫn độ thì Bộ Công an kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ hủy quyết định này, trả tự do</p>	<p>Điều 36. Chuyển giao người bị dẫn độ</p> <p>1. Cơ quan Công an có thẩm quyền tổ chức việc áp giải người bị dẫn độ theo thời gian, địa điểm chuyển giao đã thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài. Việc áp giải người bị dẫn độ thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.</p> <p>2. Thời hạn chuyển giao người bị dẫn độ không quá 30 ngày, kể từ ngày quyết định thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực. Trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng, Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trao đổi, thống nhất lại thời gian và địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ.</p> <p>3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, <i>nếu nước yêu cầu dẫn độ</i> không tiếp nhận người bị dẫn độ <i>mà không có lý do chính đáng</i> thì Bộ Công an kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân <i>có thẩm quyền</i> đã ra quyết định thi</p>

<p>cho người bị dẫn độ và thông báo cho nước ngoài. Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ kiến nghị thẩm phán đã ra quyết định dẫn độ hủy quyết định dẫn độ.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết Điều này.</p>	<p>hành quyết định dẫn độ hủy quyết định này, trả tự do cho người bị dẫn độ và thông báo cho nước <i>yêu cầu dẫn độ</i>. Chánh án Tòa án nhân dân <i>có thẩm quyền</i> đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ kiến nghị <i>Thẩm phán</i> đã ra quyết định dẫn độ hủy quyết định dẫn độ. <i>Các quyết định nêu trên được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.</i></p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Công an <i>quy định</i> chi tiết Điều này.</p>
<p>Điều 37. Chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật và tài sản</p> <p>Trường hợp cần phải chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến người bị dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ thì Bộ Công an chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản đó cho nước yêu cầu dẫn độ tại thời điểm bàn giao người bị dẫn độ hoặc vào thời điểm khác theo thỏa thuận với nước yêu cầu dẫn độ. Đối với những chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản không thể chuyển giao mà buộc phải tiêu hủy thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ và đề nghị cơ quan bảo quản chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản đó tiêu hủy theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>Điều 37. Chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản</p> <p>Trường hợp cần phải chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến người bị dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ thì Bộ Công an chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản đó cho nước yêu cầu dẫn độ tại thời điểm bàn giao người bị dẫn độ hoặc vào thời điểm khác theo thỏa thuận với nước yêu cầu dẫn độ. Đối với những chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản không thể chuyển giao mà buộc phải tiêu hủy thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ và đề nghị cơ quan bảo quản chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản đó tiêu hủy theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>

Điều 38. Hoãn dẫn độ và tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt trên lãnh thổ Việt Nam về tội không phải là tội bị yêu cầu dẫn độ thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền đang thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định dẫn độ ra quyết định hoãn việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ người đó cho đến khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt mà Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã tuyên. Bộ Công an thông báo bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ về việc hoãn dẫn độ chậm nhất là 10 ngày trước ngày hết thời hạn hoãn việc thi hành quyết định dẫn độ.

2. Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ phải ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ và gửi quyết định cùng tài liệu, hồ sơ liên quan cho Bộ Công an để thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ và tiếp tục thi hành việc dẫn độ theo thoả thuận cụ thể với nước yêu cầu dẫn độ. Trình tự, thủ tục tiếp tục tiến hành việc dẫn độ được thực hiện theo quy định tại **các điều 35, 36, 37** của Luật này.

Điều 38. Hoãn thi hành quyết định dẫn độ và tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ

1. *Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đã có quyết định thi hành quyết định dẫn độ mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt trên lãnh thổ Việt Nam về tội không phải là tội bị yêu cầu dẫn độ thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định dẫn độ tự mình hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan Công an có thẩm quyền đang truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc quản lý thi hành án hình sự người bị yêu cầu dẫn độ ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ người đó. Thời hạn hoãn thi hành quyết định dẫn độ chấm dứt khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên.*

Bộ Công an thông báo **ngay** bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ về việc hoãn **thi hành quyết định** dẫn độ. **Quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.**

2. **Khi việc hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này kết thúc**, Chánh án Tòa án nhân dân phải ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ và gửi quyết định **kèm theo hồ sơ**, tài liệu liên quan cho Bộ Công an để tiếp

	<p>tục thi hành việc dẫn độ theo thoả thuận cụ thể với nước yêu cầu dẫn độ. Trình tự, thủ tục dẫn độ được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.</p>
<p>Điều 39. Dẫn độ tạm thời</p> <p>1. Trường hợp việc hoãn xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này cản trở việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở nước ngoài do hết thời hiệu hoặc gây khó khăn nghiêm trọng cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội bị yêu cầu dẫn độ thì theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan công an và theo đề nghị của nước yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân có thẩm quyền đang thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ có thể ra quyết định dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ.</p> <p>2. Người bị dẫn độ tạm thời phải được trả lại ngay cho Việt Nam sau khi quá trình tố tụng hình sự tại nước yêu cầu dẫn độ kết thúc hoặc hết thời hạn yêu cầu dẫn độ tạm thời mà Việt Nam và nước ngoài đã thoả thuận.</p> <p>3. Khi có yêu cầu dẫn độ mới của nước yêu cầu, việc giải quyết yêu cầu dẫn độ mới được thực hiện theo quy định của Luật này.</p>	<p>Điều 39. Dẫn độ tạm thời</p> <p>1. Trường hợp việc hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này cản trở việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở nước ngoài do hết thời hiệu hoặc gây khó khăn nghiêm trọng cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội bị yêu cầu dẫn độ thì <i>theo đề nghị của nước yêu cầu dẫn độ thông qua Bộ Công an, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan Công an có thẩm quyền đang truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc quản lý thi hành án hình sự người bị yêu cầu dẫn độ</i>, Tòa án nhân dân có thẩm quyền <i>đã ra quyết định hoãn</i> dẫn độ có thể ra quyết định dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ. <i>Việc thi hành quyết định dẫn độ tạm thời được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.</i></p> <p>2. Người bị dẫn độ tạm thời phải được <i>chuyển giao</i> lại ngay cho Việt Nam sau khi quá trình <i>truy cứu trách nhiệm hình sự</i> tại nước yêu cầu dẫn độ kết thúc hoặc hết thời hạn yêu cầu dẫn độ tạm thời mà Việt Nam và nước <i>yêu cầu dẫn</i></p>

	<p><i>độ</i> đã thoả thuận.</p> <p>3. <i>Khi kết thúc quá trình dẫn độ tạm thời, trường hợp nước yêu cầu dẫn độ không có yêu cầu dẫn độ mới đối với người đã bị dẫn độ tạm thời thì tiếp tục thực hiện quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ cho đến khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên. Trường hợp nước yêu cầu dẫn độ có yêu cầu dẫn độ mới đối với người đã bị dẫn độ tạm thời thì theo đề nghị của Bộ Công an, Tòa án nhân dân có thẩm quyền đang thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ ra quyết định hủy quyết định dẫn độ, quyết định thi hành quyết định dẫn độ và xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ mới theo quy định của Luật này nếu có lý do chính đáng.</i></p>
<p>Điều 40. Dẫn độ lại</p> <p>Trường hợp người đã bị dẫn độ trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án ở nước ngoài và quay trở lại Việt Nam thì nước yêu cầu dẫn độ có thể đưa ra yêu cầu dẫn độ lại người đó kèm theo các tài liệu quy định tại Điều 26 của Luật này. Trong trường hợp này, Tòa án nhân dân có thẩm quyền không tiến hành lại thủ tục quyết định dẫn độ theo quy định tại Điều 29 của Luật này.</p>	<p>Điều 40. Dẫn độ lại</p> <p>Trường hợp người đã bị dẫn độ trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án ở nước ngoài và quay trở lại Việt Nam thì nước yêu cầu dẫn độ có thể đưa ra yêu cầu dẫn độ lại người đó kèm theo <i>hồ sơ</i> quy định tại Điều 26 của Luật này. Trong trường hợp này, Tòa án nhân dân có thẩm quyền không tiến hành lại thủ tục quyết định dẫn độ theo quy định tại Điều 29 của Luật này.</p>

<p>Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã quyết định dẫn độ trước đây quyết định dẫn độ lại đối với người đó. Việc thi hành quyết định dẫn độ lại được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36, 37 của Luật này.</p>	<p>Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định dẫn độ trước đây ra quyết định dẫn độ lại đối với người đó. Việc thi hành quyết định dẫn độ lại được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36 và 37 của Luật này.</p>
<p>Điều 41. Tù chối dẫn độ cho nước ngoài</p> <p>1. Tòa án nhân dân có thẩm quyền phải tù chối dẫn độ cho nước ngoài nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tội phạm bị yêu cầu dẫn độ không đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật này;</p> <p>b) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân Việt Nam;</p> <p>c) Hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc hết thời hiệu thi hành bản án đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>d) Người bị yêu cầu dẫn độ đã bị Tòa án của Việt Nam kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc được tuyên không có tội hoặc được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc được miễn thi hành hình phạt về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>đ) Người bị yêu cầu dẫn độ có khả năng bị truy bức, tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục</p>	<p>Điều 41. Tù chối dẫn độ</p> <p>1. Tòa án nhân dân có thẩm quyền phải tù chối dẫn độ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) <i>Vi phạm nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật này;</i></p> <p>b) Tội phạm bị yêu cầu dẫn độ không đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 6 <i>của</i> Luật này;</p> <p>c) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân Việt Nam;</p> <p>d) Hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc hết thời hiệu thi hành bản án đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>đ) Người bị yêu cầu dẫn độ đã bị Tòa án của Việt Nam kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc được tuyên không có tội hoặc được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc được miễn thi hành hình phạt về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p>

con người ở nước yêu cầu dẫn độ;

e) Yêu cầu dẫn độ được đưa ra vì lý do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị của người bị yêu cầu dẫn độ hoặc vì lý do này mà người đó có thể bị đối xử không công bằng trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành bản án đối với người đó.

2. Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam có thể từ chối dẫn độ cho nước ngoài nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tội phạm bị nêu trong yêu cầu dẫn độ là tội phạm liên quan đến chính trị hoặc liên quan đến quân đội;

b) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Việt Nam.

3. Tòa án nhân dân có thẩm quyền từ chối dẫn độ theo quy định tại **khoản 1 và 2 Điều này** gửi quyết định từ chối dẫn độ cho Bộ Công an để thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ.

4. Trường hợp có căn cứ chắc chắn người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ được quy định tại **khoản 1 Điều này** thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ.

5. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết **khoản 4**

e) Người bị yêu cầu dẫn độ có khả năng bị truy bức, tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người ở nước yêu cầu dẫn độ;

g) Yêu cầu dẫn độ được đưa ra vì lý do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị của người bị yêu cầu dẫn độ hoặc vì lý do này mà người đó có thể bị đối xử không công bằng trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành bản án đối với người đó.

2. Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam có thể từ chối dẫn độ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tội phạm bị nêu trong yêu cầu dẫn độ là tội phạm ***có*** liên quan đến chính trị hoặc liên quan đến quân ***sự theo quy định tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;***

b) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Việt Nam ***về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ.***

3. Tòa án nhân dân có thẩm quyền từ chối dẫn độ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này gửi quyết định từ chối dẫn độ cho Bộ Công an để thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ.

4. Trường hợp có căn cứ chắc chắn người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ được quy

<p>Điều này.</p>	<p>định tại khoản 1 Điều này thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản này.</p>
<p>Điều 42. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài</p> <p>1. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu nước ngoài có yêu cầu, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp về hình sự.</p> <p>2. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để thi hành án, nếu nước ngoài có yêu cầu, Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định từ chối dẫn độ có thể xem xét yêu cầu của nước ngoài công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án hình sự của tòa án nước ngoài theo quy định tại Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, Luật Thi hành án hình sự.</p>	<p>Điều 42. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài</p> <p>1. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu nước ngoài có yêu cầu, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và pháp luật về tương trợ tư pháp về hình sự.</p> <p>2. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để thi hành án, nếu nước ngoài có yêu cầu, Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định từ chối dẫn độ có thể xem xét yêu cầu của nước ngoài công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án hình sự của tòa án nước ngoài theo quy định tại Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự và pháp luật về tương trợ tư pháp về hình sự.</p>

<p>Điều 43. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ cho nước ngoài trong các trường hợp khác</p> <p>Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ cho nước ngoài những người không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này, trên cơ sở đề nghị của nước ngoài, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể xem xét áp dụng thủ tục được quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này.</p>	<p>Điều 43. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ người nước ngoài cho nước ngoài</p> <p>Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ <i>người nước ngoài</i> cho nước ngoài, <i>nếu</i> nước ngoài <i>có yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó</i>, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này.</p>
<p style="text-align: center;">Chương IV</p> <p style="text-align: center;">ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 44. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.</p> <p>2. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 45 của Luật này.</p>	<p style="text-align: center;">Chương IV</p> <p style="text-align: center;">ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 44. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.</p> <p>2. <i>Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15</i> hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 45 của Luật này.</p>
<p>Điều 45. Quy định chuyển tiếp</p> <p>Các yêu cầu dẫn độ được lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Luật Tương trợ tư pháp số</p>	<p>Điều 45. Quy định chuyển tiếp</p> <p><i>Các yêu cầu dẫn độ mà Bộ Công an lập hoặc tiếp nhận</i> trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng quy định</p>

<p>08/2007/QH12 ngày 21/11/2007.</p> <p><i>Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 20....</i></p>	<p>của Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 <i>đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15.</i></p> <p><i>Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2025.</i></p>
<p style="text-align: center;">CHỦ TỊCH QUỐC HỘI</p> <p style="text-align: center;">Trần Thanh Mẫn</p>	<p style="text-align: center;">CHỦ TỊCH QUỐC HỘI</p> <p style="text-align: center;">Trần Thanh Mẫn</p>